2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

VG PIPE

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

VIETNAM GERMANY STEEL PIPE JOINT STOCK COMPANY

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE
Ký ngày: 18/4/2026 14:26:32

VG PIPE®

ĐẲNG CẤP CHÂU ÂU

MỤC LỤC

1 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị 01

2 Tầm nhìn và sứ mệnh 02

3 Giá trị cốt lõi 03

01 THÔNG TIN CHUNG

1 Thông tin khái quát 04
- Thông tin cơ bản
- Thông tin cổ phiếu
- Thông tin trụ sở chính
- Quá trình hình thành và phát triển

2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 08

3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 10

4 Định hướng phát triển 12

5 Đánh giá các rủi ro 14

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 18

1.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 19

1.2 Đánh giá kết quả hoạt động năm 2025 của VGS 20

2 Tổ chức nhân sự 21

3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án 23

4 Tình hình tài chính 26

5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 31

6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty 38

03 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 45

2 Tình hình tài chính 47

3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 51

4 Kế hoạch phát triển trong tương lai 53

5 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty 55

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 60

2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty 65

3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2026 67

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

1 Hội đồng quản trị 70

1.1 Hoạt động của thành viên hội đồng quản trị 73

1.2 Hoạt động của thành viên hội đồng quản trị độc lập 74

1.3 Hoạt động của Ban kiểm soát 75

2 Ban kiểm soát 76

2.1 Thành viên và cơ cấu 77

2.2 Tỷ lệ sở hữu cổ phần 77

3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm soát 78

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1 Ý kiến kiểm toán 81

2 Báo cáo tài chính được kiểm toán

THÔNG ĐIỆP
CHỦ TỊCH HĐQT

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG

Thưa Quý Cổ đông, bạn hàng, đối tác cùng toàn thể CBCNV VGS!

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban lãnh đạo CTCP Ống thép Việt - Đức VG PIPE (VGS), tôi xin gửi tới Quý Cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Kính thưa Quý vị!

Thị trường thép Việt Nam 2025 ghi nhận những tín hiệu phục hồi, tăng trưởng khởi sắc dần qua từng tháng, từng quý, lạm phát thấp hơn mức mục tiêu, các cân đối lớn được đảm bảo, kết quả trên nhiều lĩnh vực quan trọng đã đạt và vượt mục tiêu đề ra, là điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực và trên thế giới.

Trong bối cảnh đó, VGS đã tiếp tục nỗ lực bền bỉ để vượt qua các khó khăn trở ngại, đón đầu các cơ hội hồi phục từ thị trường, với sự sát sao chỉ đạo cùng sự nhạy bén linh hoạt trong công tác điều hành của HĐQT, Ban điều hành mà VGS đã hoàn thành tốt các mục tiêu 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Điều này thể hiện qua kết quả kinh doanh năm 2025 vượt trội so với các doanh nghiệp cùng ngành, thị phần tiêu thụ Ống thép Việt Đức đã duy trì TOP 4 và TOP 3 nhà sản xuất thép Xây dựng có thị phần lớn nhất Việt Nam.

Kính thưa Quý vị!

Bước sang năm 2026, được xác định là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với những điểm sáng, tạo động lực tăng trưởng mạnh mẽ góp phần đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới. Các chính sách hỗ trợ, tái thiết và xây dựng công trình hạ tầng giao thông công cộng đầu tư công của chính phủ trong năm 2026 cũng sẽ góp phần tăng nhu cầu sử dụng thép. Trong năm 2026, ngành thép có một số tác động liên quan đến các chính sách chống bán phá giá, chính sách bảo vệ môi trường - đặc biệt với cam kết của Chính phủ Việt Nam tại COP26 về phát thải ròng carbon bằng 0 vào năm 2050. Đây cũng sẽ là cơ hội và các thách thức đối với VGS. Dù khó khăn trước mắt vẫn còn đó nhưng chúng ta sẽ kiên trì phấn đấu đạt các mục tiêu tăng trưởng mà Nghị quyết đã đề ra. Nắm bắt diễn biến giá thế giới cũng như trong nước để đưa ra các quyết định nhanh, cơ cấu hàng tồn kho hợp lý và luôn ở mức an toàn nhất. Đồng thời đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp từng vùng, đẩy mạnh áp dụng công nghệ số trong quản lý; quy hoạch xây dựng đội ngũ lãnh đạo có đủ năng lực, phẩm chất để đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cho Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin cảm ơn Ban Điều hành cùng tất cả CBCNV VGS đã nỗ lực phấn đấu làm việc, khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành tốt mục tiêu sản xuất kinh doanh đặt ra. Xin gửi lời cảm ơn các Quý khách hàng, Quý đối tác, Quý cổ đông và tất cả các bên liên quan vì sự hợp tác bền vững trong những năm qua. Sự tin tưởng, đồng hành của Quý vị là vô cùng cần thiết để VGS có được những thành công như ngày hôm nay và sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai.

Một lần nữa, xin kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng cảm ơn!

THÉP VIỆT ĐỨC

ĐỊNH VỮNG TƯƠNG LAI

TẦM NHÌN

Tập đoàn Thép Việt Đức hướng đến mục tiêu trở thành tập đoàn đa ngành hàng đầu với cốt lõi là hoạt động sản xuất thép. Chúng tôi tạo lập nền tảng vững chắc cho cộng đồng, đối tác và đào tạo thế hệ tiếp nối thông qua những giá trị bền vững, lâu dài.

SỨ MỆNH

Tập đoàn Thép Việt Đức cam kết đồng hành với cộng đồng, đối tác và dẫn dắt thế hệ tiếp nối đạt được tương lai phát triển chung thông qua nỗ lực hoạt động đa ngành và tận tâm đóng góp vào các công trình Quốc Gia tiêu biểu với sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

KIÊN ĐỊNH

Chúng tôi giữ vững nguyên tắc hoạt động, thực hiện các cam kết của Tập đoàn bằng sự kiên định trong chiến lược dài hạn hướng đến mục tiêu bền vững chung.

UY TÍN

Chúng tôi xây dựng uy tín qua từng dự án thông qua sản phẩm dịch vụ chất lượng, khả năng sản xuất và vận hành đáp ứng tiêu chuẩn của đối tác và thị trường

CHÂN THÀNH

Chúng tôi quyết định và hành động dựa trên sự chân thành, minh bạch để tạo ra giá trị chung cho khách hàng, đối tác và cộng đồng.

BỀN VỮNG

Chúng tôi cam kết phát triển và thực hiện trách nhiệm bền vững, góp phần xây dựng tương lai xanh và sự phát triển thịnh vượng của cộng đồng, môi trường.

CHUYÊN NGHIỆP

Chúng tôi tự hào về đội ngũ chuyên nghiệp không ngừng nâng cao kiến thức, kĩ thuật và nghiệp vụ để lắng nghe, giải quyết và đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

VG PIPE

VG PIPE®

EUROPEAN STANDARD

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

VIETNAM GERMANY STEEL PIPE JOINT STOCK COMPANY

01 | THÔNG TIN CHUNG

> Thông tin khái quát

> Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

> Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

> Định hướng phát triển

> Đánh giá các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

THÔNG TIN CƠ BẢN

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE
Tên tiếng Anh: Vietnam Germany Steel PiPe JSC
Tên viết tắt: VG PIPE
Số ĐKKD: 2500267703
Cấp ngày: 31/01/2007
Đơn vị cấp: Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ
Vốn điều lệ: 615.241.550.000 đồng
Trụ sở chính: KCN Bình Xuyên, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ
Điện thoại: 0211. 3887 863
Fax: 0211. 3888 562
Website: vgpipe.com.vn
Tài khoản: 42600 55252
Tại NH: BIDV – CN Phúc Yên
Mã số thuế: 2500267703

Logo Công ty

VG PIPE®

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Mã cổ phiếu: VGS
Sàn niêm yết: HNX
Ngày niêm yết: 20/11/2008
Số cổ phần: 61.524.155 cổ phần

THÔNG TIN TRỤ SỞ CHÍNH

Trụ sở chính
Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, xã Xuân Lãng, Tỉnh Phú Thọ.

Văn phòng đại diện tại Hà Nội
Địa chỉ: Tòa nhà SIMCO, 28 Phạm Hùng, Phường Từ Liêm, TP Hà Nội.

Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng
Địa chỉ: QL 1 A, Phường Hòa Xuân, TP Đà Nẵng

Văn phòng đại diện tại Miền Nam
Địa chỉ: Ấp 3, Mỹ Yên, Xã Mỹ Yên, Tây Ninh

QUÁ TRÌNH
HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tháng 12 – 2002
Nhà máy Ống thép Việt Đức VGPIPE được thành lập tại KCN Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tháng 01 - 2007
Ngày 29/01/2007 chuyển đổi sang Công ty cổ phần, phát hành tăng vốn và trở thành Công ty đại chúng.

Tháng 11 - 2008
Ngày 20/11/2008 cổ phiếu VGS niêm yết tại HNX. Tăng vốn 70 tỷ lên 125,997 tỷ đồng.

Tháng 08 - 2010
Công ty đã triển khai xây dựng Toà nhà Vietduc Financial building tại Vĩnh Yên, được chia thành 2 khối văn phòng và căn hộ với thiết kế độc đáo và sang trọng, tạo nên đẳng cấp của Tòa nhà

Tháng 12 - 2009
Phát hành tăng vốn lên 375,997 tỷ đồng; Thành lập Cty liên kết, sản xuất thép Xây dựng

Tháng 03 - 2013
Công ty triển khai mở rộng dự án sản xuất Tôn mạ kẽm và đầu tư mới thêm 5 dây chuyền Ống. VPĐD Đà Nẵng được thành lập với quy mô 5.000 m2 gồm nhà văn phòng - Hệ thống kho bãi

Tháng 11 - 2016
Nhà máy sản xuất Thép chế tạo thuộc Công ty liên kết đi vào hoạt động và đánh dấu năng lực sản xuất của tập đoàn lên 1.300.000 tấn/năm

Tháng 03 - 2017
Xây dựng Trung tâm TM và văn phòng cho thuê tại thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội. Tổng diện tích thi công 12.800 m2

Tháng 07 - 2018
Mở rộng Dự án Thép chế tạo, quy mô 3,2 ha để làm nhà phụ trợ và điều hành. Tăng vốn điều lệ lên 421.115.890 ngàn đồng từ việc chia cổ tức 2017

Từ 2018 – 2022
Tập trung triển khai công tác GPMB và hoàn thiện các Thủ tục pháp lý liên quan đến Dự án Viet Duc Legend City

Tháng 12-2020
Thép Việt Đức vô cùng tự hào đón nhận danh hiệu Đơn vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới do Chủ tịch nước trao tặng.

Năm 2024 - 2025
Ống thép của VGS nằm trong TOP 4 đơn vị sản xuất và bán hàng Ống thép lớn nhất tại Việt Nam

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

1. Đúc sắt, thép; Sản xuất các sản phẩm từ thép;
2. Xây dựng nhà để ở; nhà không để ở
3. Xây dựng công trình đường sắt; công trình đường bộ; Xây dựng công trình điện; công trình cấp, thoát nước;
4. Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc; công trình thủy; công trình khai khoáng; chế biến, chế tạo;
5. Hoàn thiện công trình xây dựng; Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa; Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
6. Vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;
7. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
8. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
9. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
10. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
11. Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
12. Dịch vụ đặt chỗ và các DV hỗ trợ liên quan đến quảng bá, tổ chức tua du lịch;
13. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Hoạt động sản xuất Kinh doanh chính

- Sản xuất Ống thép hàn đen
- Sản xuất Ống thép Tôn mạ
- Sản xuất Ống thép mạ kẽm nhúng nóng
- Sản xuất Tôn mạ kẽm
- Sản xuất thép thanh cán nóng
- Sản xuất thép cuộn cán nóng

Hoạt động đầu tư bất động sản

Hiện nay VGPIPE có 03 dự án như sau:

- Tòa nhà Tài chính VIETDUC FINANCIAL BUIDING tại p. Vĩnh Phúc – Phú Thọ.
- Tòa nhà Văn phòng và Trung tâm thương mại tại Mê Linh – Hà Nội.
- Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City với quy mô 62 ha

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

PHÒNG BAN CÔNG TY

1. Phòng Kinh doanh
2. Phòng Kế Toán
3. Văn phòng
4. Khối Chiến lược phát triển và Điều phối dự án
5. Nhà máy sản xuất

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

1. Hà Nội
2. Đà Nẵng
3. Long An

CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT ĐỨC

- Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ
- Vốn điều lệ: 128.000.000.000 đồng
- Số cổ phần: 12.800.000 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cp
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết: 99,94%
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất Tôn mạ kẽm và Tôn cán nguội.

CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC

- Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ
- Vốn điều lệ: 304.065.000.000 đồng
- Số Cổ phần: 30.406.500 cổ phần
- Cổ phần Mệnh giá: 10.000 đồng/cp
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết: 28,6%
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất thép chất lượng cao và Chế tạo

VG PIPE®

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Tổng quan

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập năm 2002 trên diện tích 30ha tại KCN Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 2008, Cổ phiếu của Thép Việt Đức chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch VGS.

Dây chuyền công nghệ

Thép Việt Đức là đơn vị chuyên sản xuất, cung ứng các sản phẩm Ống thép hàn đen; Ống thép mạ kẽm; Ống Tôn mạ; Tôn cán nguội và Tôn mạ kẽm với công suất 600.000 tấn/năm.

Ngoài ra Công ty chúng tôi còn liên doanh liên kết sản xuất thép xây dựng có đường kính từ D6 đến D51 công suất 700.000 tấn/năm.

Thép Việt Đức đang vận hành hệ thống dây chuyền sản xuất ống thép và tôn mạ kẽm theo công nghệ của các nước tiên tiến nhất hiện nay.

Sản phẩm ống thép được sản xuất theo tiêu chuẩn Anh Quốc BS 1387:1985, ASTM A53, có đường kính ngoài từ 1/2 inch đến 8 inch, độ dày từ 1,9mm đến 8.18mm,
Ống thép vuông, chữ nhật theo tiêu chuẩn ASTM A500

Các dự án đã cấp

Sản phẩm Thép Việt Đức được nhiều dự án lớn do chủ đầu tư trong, ngoài nước sử dụng và đánh cao như Dự án: nhà ga T2 Nội Bài; Sam Sung Thái Nguyên; Formosa Hà Tĩnh: Time City; Royal City; các dự án thuộc tập đoàn Vincom; Sân bay Đà Nẵng; Vành đai 3; Cầu Nhật Tân; Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng; Hà Nội - Lào Cai và rất nhiều dự án lớn khác.

Vị thế thị phần

Ống Thép Việt Đức là doanh nghiệp chuyên sản xuất, cung ứng các sản phẩm Ống thép hàn đen; Ống thép mạ kẽm nhúng nóng; Ống Tôn mạ kẽm và Tôn cuộn mạ kẽm.

VGS nằm trong TOP 4 nhà máy sản xuất và tiêu thụ Ống thép trong nước (chiếm 7,39% thị phần) và TOP 3 nhà sản xuất Thép xây dựng lớn nhất tại Việt Nam (chiếm 5,69% thị phần) – nguồn: Báo cáo Hiệp hội Thép Việt Nam VSA tháng 01.2026.

ĐÁNH GIÁ CÁC RỦI RO

Với đặc thù của doanh nghiệp sản xuất thép, định hướng phát triển đa ngành. Công ty không thể tránh khỏi những rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động.

Để phòng ngừa ảnh hưởng tiêu cực từ các rủi ro này, VGS đã phân tích các mối nguy và đề ra những biện pháp cụ thể với từng nhóm rủi ro trọng yếu, đặc biệt trong phòng ngừa rủi ro biến động giá Nguyên liệu; chính sách; nhân sự; tỷ giá, lãi vay.

01/ Rủi ro về kinh tế vĩ mô, chính sách

Những yếu tố quan trọng của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tăng trưởng tín dụng, tỷ giá, chỉ số giá tiêu dùng, tỷ lệ tiết kiệm, đầu tư hay tỷ lệ thất nghiệp đều có ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả kinh doanh của VGS.

VGS luôn bám sát tình hình kinh tế thị trường, chủ động bám sát các dự thảo Luật có liên quan để chủ động trong các phương án kinh doanh, các quyết sách và chiến lược phù hợp.

02/ Rủi ro biến động về giá nguyên nhiên liệu

Sản xuất và kinh doanh mặt hàng thép là chủ lực trong hoạt động kinh doanh của VGS. Để sản xuất ra thép, chi phí nguyên nhiên liệu chiếm 70-75% trong giá thành sản xuất.

Vì vậy chỉ cần 1% biến động giá các mặt hàng nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho sản xuất sẽ tác động rất lớn tới giá thành thành phẩm.

Biện pháp

Công ty luôn theo dõi sát thông tin vĩ mô từ các thị trường có sức ảnh hưởng lớn tới diễn biến giá thép hàng ngày, luôn cập nhật tin tức đa chiều để kịp thời ứng phó; Xây dựng các kịch bản tín dụng cho phòng ngừa rủi ro giá hàng hóa;

Quản trị tốt hơn kho nguyên nhiên liệu, kịp thời thích ứng với biến động giá.

03/ Rủi ro Tài chính

Những yếu tố quan trọng của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tăng trưởng tín dụng, tỷ giá, chỉ số giá tiêu dùng, tỷ lệ tiết kiệm, đầu tư hay tỷ lệ thất nghiệp đều có ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả kinh doanh của VGS.

VGS luôn bám sát tình hình kinh tế thị trường, chủ động bám sát các dự thảo Luật có liên quan để chủ động trong các phương án kinh doanh, các quyết sách và chiến lược phù hợp.

04/ Rủi ro về Thiên tai dịch bệnh

Rủi ro thiên tai, dịch bệnh là những rủi ro bất khả kháng và nằm ngoài tầm kiểm soát của VGS. Đối với rủi ro này, VGS theo dõi sâu sát diễn biến, đưa ra các biện pháp phòng chống kịp thời.

05/ Rủi ro về Môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu & cơ chế điều chỉnh biên giới Carbon (CBAM)

VGS đặc biệt quan tâm đến tác động về môi trường trong mỗi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (ô nhiễm không khí, tiếng ồn, nguồn nước) có thể làm thay đổi tài nguyên, môi trường sinh thái ở những vùng phụ.

Vì vậy, VGS luôn luôn tìm hiểu và đưa vào áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến nhất về hệ thống xử lý nước thải tuần hoàn; Hệ thống nung nhiệt; Hệ thống xử lý chất thải. Đồng thời xây dựng môi trường thân thiện, xanh – sạch – đẹp. Dành nhiều diện tích cho cây xanh. Hàng năm thuê các đơn vị về đánh giá tác động môi trường, kiểm kê khí nhà kính và luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật về môi trường.

06/ Rủi ro về cạnh tranh

Các ngành kinh doanh của VGS thường có mức độ cạnh tranh cao, điển hình là Sản xuất Công nghiệp, Văn phòng cho thuê.
Trong mỗi lĩnh vực, đối thủ cạnh tranh của VGS là những đối thủ trong nước kinh doanh sản phẩm, dịch vụ tương tự.

Để tăng tính cạnh tranh, VGS không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, cải tiến máy móc thiết bị để đưa ra thị trường sản phẩm chất lượng tốt nhất. Luôn đặt chữ Tín trong kinh doanh lên hàng đầu. Đồng thời tiết giảm chi phí trong công đoạn sản xuất để giảm giá thành và đưa ra giá bán hợp lý nhất.

07/ Rủi ro về nhân sự

Để thu hút nhân sự chất lượng cao và tạo động lực cho người lao động, VGS có chính sách đãi ngộ cạnh tranh và minh bạch, dựa vào kết quả lao động. VGS xây dựng thành công môi trường văn hóa đặc trưng của mình thông qua các hoạt động văn hóa, tập thể, tạo VGS thành Ngôi nhà chung của mỗi CBNV, đem sự gắn bó lâu dài với Công ty. Để bảo đảm nguồn nhân sự chất lượng và ổn định VGS thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao tay nghề - chuyên môn cho NLĐ, nâng cao năng lực lãnh đạo cho cấp Quản lý và đào tạo Cán bộ Lãnh đạo kế cận, đặc biệt là lãnh đạo trẻ tài năng làm nòng cốt cho tương lai.

VG PIPE

VG PIPE®

EUROPEAN STANDARD

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

VIETNAM GERMANY STEEL PIPE JOINT STOCK COMPANY

02 | TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

> Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

> Tổ chức nhân sự

> Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

> Tình hình tài chính

> Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

> Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Đánh giá chung

Tăng trưởng chung của kinh tế thế giới ở mức ổn định khoảng 3% GDP (theo IMF và OECD), thấp hơn mục tiêu.

GDP Việt Nam tăng 8,02% so với năm 2024, cao hơn mục tiêu Quốc hội đề ra, đứng thứ 34 thế giới.

FDI thực hiện tại Việt Nam năm 2025 ước đạt 27.62 tỷ USD, tăng 9% so với năm 2024, đạt mức cao nhất từ trước đến nay, gồm tổng vốn đăng kí cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả năm 2025 tăng 3.31% so với năm 2024, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

BÁN HÀNG THÉP THÀNH PHẨM NĂM 2025

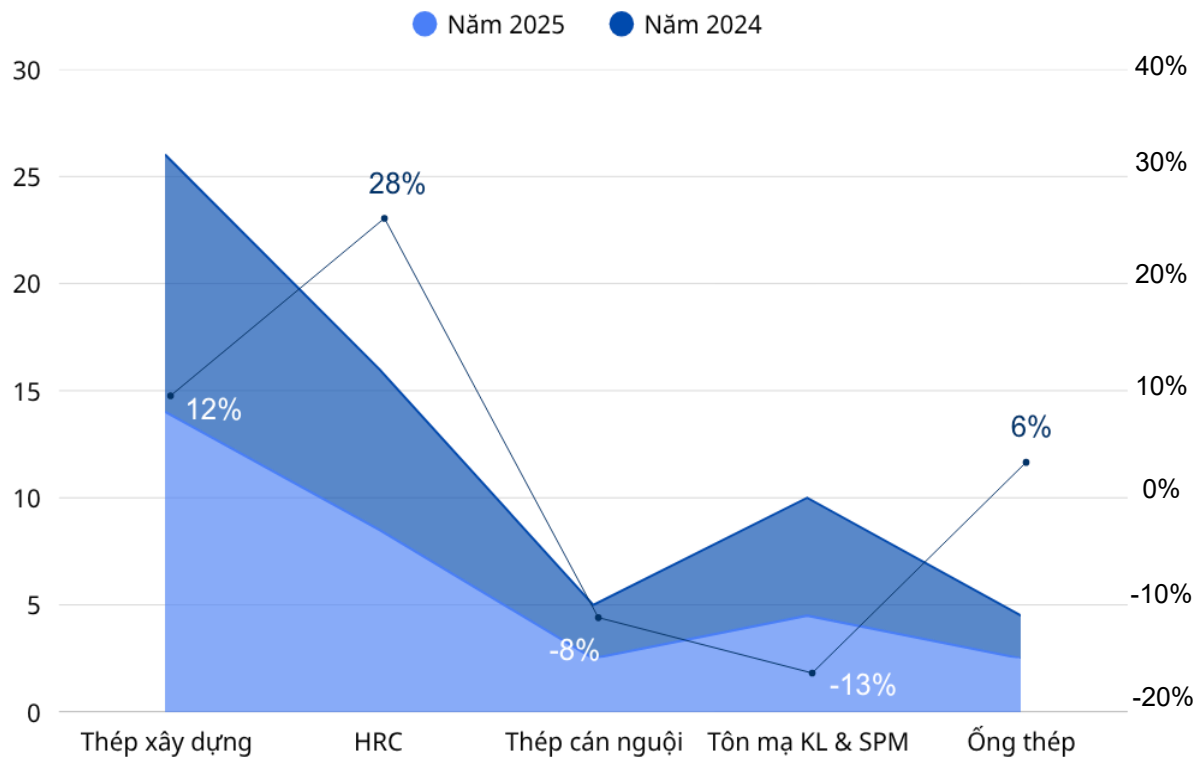

Đánh giá Ngành thép Việt Nam năm 2025

Ngành thép Việt Nam tiếp nối xu hướng sản xuất và sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường trong chiến lược phát triển bền vững toàn cầu, đặc biệt với cam kết của Chính phủ Việt Nam tại COP26 về phát thải ròng carbon bằng 0 vào năm 2050.

Nhờ nội lực GDP tăng trưởng tốt 8,02% năm 2025, Chính phủ đã có các biện pháp kích thích đầu tư công và hỗ trợ thị trường bất động sản, góp phần thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ thép, ngành thép đã ghi nhận những con số tăng trưởng khởi sắc, là điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực và trên thế giới.

Sản xuất thép thô đạt 24,66 triệu tấn, tăng 12,2%; thép thành phẩm các loại đạt 32,2 triệu tấn, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm 2024: Trong đó sản xuất thép tôn mạ kim loại & sơn phủ màu giảm 7%, thép xây dựng tăng 10%, Ống thép tăng 3% và HRC tăng 25%.

Bán hàng thép thành phẩm đạt 31,62 triệu tấn, tăng 8,7% so với cùng kỳ: Trong đó thép cuộn cán nguội (CRC) giảm 7,9%, tôn mạ kim loại và sơn phủ màu giảm 12,5%, còn lại tăng tại các nhóm thép xây dựng là 12%, ống thép tăng 6%, riêng thép cuộn cán nóng (HRC) tăng 28% so cùng kỳ năm 2024.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA VGS

Trong năm 2025, nắm bắt nội lực tốt từ tình hình kinh tế - xã hội nói chung và thị trường ngành thép nói riêng, HĐQT đã chỉ đạo Ban Điều hành, các đơn vị trực thuộc phải linh hoạt, sáng tạo trong việc điều hành hoạt động SXKD, nhằm củng cố nền tảng ổn định, hoàn thành xuất sắc mục tiêu sản xuất kinh doanh, cụ thể:

TT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH (TỶ ĐỒNG)	THỰC HIỆN (TỶ ĐỒNG)	% HOÀN THÀNH
1	**CÔNG TY MẸ**			
1.1	Doanh thu	4.000	4.388,5	109,7%
1.2	Lợi nhuận trước thuế	58,5	164,3	280,1%
2	**HỢP NHẤT**			
2.1	Doanh thu	6.700	7.380,0	110,1%
2.2	Lợi nhuận trước thuế	94,6	254,1	268,6%

Đánh giá kết quả Kinh doanh Công ty mẹ

Doanh thu đạt 4.388,5 tỷ đồng tăng 9,7% so với kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế đạt 164,3 tỷ đồng tăng 180,1% so kế hoạch.

Đánh giá kết quả Kinh doanh Hợp nhất

Doanh thu đạt 7.380 tỷ đồng tăng 10,1% so với kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế đạt 254,1 tỷ đồng tăng 168,6% so kế hoạch.

Đánh giá về lĩnh vực sản xuất kinh doanh Ống thép, thép xây dựng.

Nhờ nội lực bối cảnh kinh tế trong nước nhiều thuận lợi và đặc biệt Ngành thép có nhiều nỗ lực, VGS đã đạt được kết quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh thép rất đáng khích lệ và có thể nói đó là kết quả tốt nhất trong bối cảnh này.

Hàng hóa chủng loại đa dạng đầy đủ, chất lượng ngày càng được chú trọng nâng cao và khả năng đáp ứng tốt cho thị trường và các sản phẩm thép của VGS vẫn được các nhà thầu ưu tiên khi chọn thầu.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Đội ngũ nhân sự

Với gần 1000 người lao động làm việc tại các Công ty thành viên của Thép Việt Đức, VGS luôn xác định "CON NGƯỜI LÀ CHÌA KHÓA CỦA THÀNH CÔNG", là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, VGS đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ quản lý chuyên môn cao, kinh nghiệm và lực lượng nhân viên giàu nhiệt huyết, được đào tạo bài bản.

Đây chính là động lực giúp VGS vượt qua khó khăn, vững bước trên chặng đường phía trước. VGS chú trọng việc xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc lành mạnh nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thể phát huy tốt nhất khả năng của mình

Chế độ làm việc

Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày (48h/ tuần), 6 ngày/tuần. CBNV được hưởng chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo quy định của Luật Lao động.

Lương và bảo hiểm, đào tạo phát triển, phúc lợi & văn hóa doanh nghiệp.

VGS luôn duy trì mức lương cho CBNV cạnh tranh so với mặt bằng lương chung của các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực trên thị trường, đồng thời tiếp tục chuẩn hóa, tối ưu hóa hệ thống lương, thưởng dựa trên năng lực, kết quả công việc và mức độ đóng góp của từng CBNV đối với Công ty

VGS đã xây dựng và áp dụng chính sách khen thưởng tại tất cả các cơ sở, theo đó mọi CBNV có thành tích, đóng góp vào hiệu quả hoạt động của Bộ phận đều được ghi nhận, biểu dương và khen thưởng.

Bên cạnh đó, CBCNV ở các vị trí đều có trách nhiệm học tập, có nhiều cơ hội tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực, phát triển bản thân để đón những cơ hội phát triển trong công việc. Và nhiều hoạt động trải nghiệm nhân viên, văn hóa thể thao để tăng cường giao lưu học hỏi, tinh thần đoàn kết, văn hóa của Người Việt Đức.

Điều kiện làm việc

Với cam kết xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, VGS đã bố trí văn phòng làm việc cho CBNV rộng rãi, khang trang. CBNV được cấp phát trang thiết bị làm việc hiện đại, được kiểm tra sức khỏe định kỳ. Đối với CBNV trực thuộc Khối Vận hành – Dịch vụ – Sản xuất, Công ty trang bị đầy đủ đồng phục, phương tiện, thiết bị bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Tất cả các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ & nhà máy đều làm việc trên hệ thống phần mềm từ bán hàng – mua hàng - sản xuất – nhân sự - kế toán.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc ra quyết định giao đất số 2954/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 và số 1829/QĐ-UBND ngày 22/07/2020; số 341/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 giao đất 02 đợi với diện tích: 214.481,4m2. Đã nộp đủ tiền sử dụng đất; các khoản thuế và phí theo thông báo của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc cho phần diện tích đã được UBND tỉnh giao giai đoạn 1.

Dự án đã được phê duyệt ĐTM tại Quyết định số 3229/QĐ-UBND ngày 29/12/2019; Phê duyệt PCCC tại Quyết định số 142/PC ngày 21/7/2020; chấp thuận điều chỉnh thiết kế nhà ở tại văn bản số 8408/UBND-CN3 ngày 24/9/2021.

Dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 31/05/2023.

Dự án đã được Bộ Xây dựng thẩm định BCNCKT ĐTXD hạng mục: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật toàn dự án, công trình nhà ở thấp tầng (giai đoạn 1), công trình nhà ở xã hội cao tầng (giai đoạn 1) và Trạm xử lý nước thải số 2 theo Văn bản số 234/HĐXD-QLKT ngày 22/09/2023.

Dự án đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo Quyết định số 3501/QĐ-BTNMT ngày 27/11/2023.

Dự án đã được Cục Cảnh sát PCCC và Cứu nạn cứu hộ Bộ Công An thẩm duyệt thiết kế Phòng cháy và chữa cháy đối với Hạ tầng kỹ thuật Giai đoạn 1 gồm: Đường giao thông phục vụ cho xe chữa cháy và Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà tại Giấy chứng nhận số 509/TD-PCCC ngày 06/02/2024.

Dự án đã được Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy phép xây dựng số 01/GPXD ngày 22/04/2024 đối với Hạ tầng kỹ thuật - giai đoạn 1 (Hạng mục: San nền, kè đá; Giao thông; Thoát nước mưa, thoát nước thải).

Dự án đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công An tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận hạng mục Công trình Nhà ở xã hội cao tầng – Giai đoạn 1 theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 09/TD-PCCC ngày 13/01/2025.

Dự án đã được Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh phúc cấp Giấy phép xây dựng số 01/GPXD ngày 24/01/2025 hạng mục Công trình Nhà ở xã hội cao tầng – Giai đoạn 1.

Triển khai hạng mục Nhà ở xã hội thuộc Giai đoạn I của Dự án (Tên thương mại: Kira Home); Tiếp tục triển khai hạng mục công trình Hạ tầng kỹ thuật và công trình nhà ở thấp tầng và hồ sơ thiết kế nhà ở trong khu đô thị; Tiếp tục triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với diện tích còn lại.
Hoàn thành việc ký kết Hợp Đồng Hợp Tác Đầu Tư với Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex)

Giai đoạn 2 của dự án đang được thực hiện theo tiến độ.

CÁC CÔNG TY CON CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con

Công ty Cổ phần Thép Việt Đức

Mã số thuế: 2500284071.
Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, Xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ.
Vốn điều lệ: 128.000.000.000 đồng
Số cổ phần: 12.800.000 cổ phần.
Mệnh giá 10.000 cổ phần.
Tỷ lệ cổ phần Công ty mẹ nắm giữ có quyền biểu quyết là: 99,94%.
Hoạt động kinh doanh chính là: sản xuất tôn cán nguộn và tôn mạ kẽm.

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Tập đoàn sản xuất Thép Việt Đức

Mã số thuế: 2500365531.
Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, Xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ.
Vốn điều lệ: 304.065.000.000 đồng
Số cổ phần: 30.406.500 cổ phần
Mệnh giá: 10.000 cổ phần.
Tỷ lệ lợi ích VGPIPE nắm giữ là: 28,6%.
Hoạt động kinh doanh chính là: sản xuất thép chất lượng cao.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2025	NĂM 2024	% TĂNG GIẢM
I	CÔNG TY MẸ				
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	1.706,93	1.785,83	-4,42%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.344,83	4.371,83	-0,62%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	163,01	93,46	74,42%
4	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	1,29	-0,04	-3,325,00%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	164,30	93,42	75,87%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	136,71	74,56	83,36%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	10	10	0,00%
II	HỢP NHẤT				
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	2.329,39	2.334,10	-0,20%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	7.318,59	7.321,87	-0,04%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	252,63	134,90	87,27%
4	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	1,47	0,02	7.250,00%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	254,09	134,92	88,33%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	217,04	109,87	97,54%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	10	10	0,00%

** Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng*

CÁC CHỈ TIÊU KHÁC

Kết quả thực hiện năm 2025 so với kế hoạch:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	% HOÀN THÀNH
1	CÔNG TY MẸ				
1.1	Doanh thu	Tỷ đồng	4.000	4.388,5	109,7%
1.2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	58,5	164,3	280,1%
1.3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	46,9	136,7	191,5%
2	HỢP NHẤT				
2.1	Doanh thu	Tỷ đồng	6.700	7.380,0	110,1%
2.2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	94,6	254,1	268,6%
2.3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	77,8	217,01	178,9%

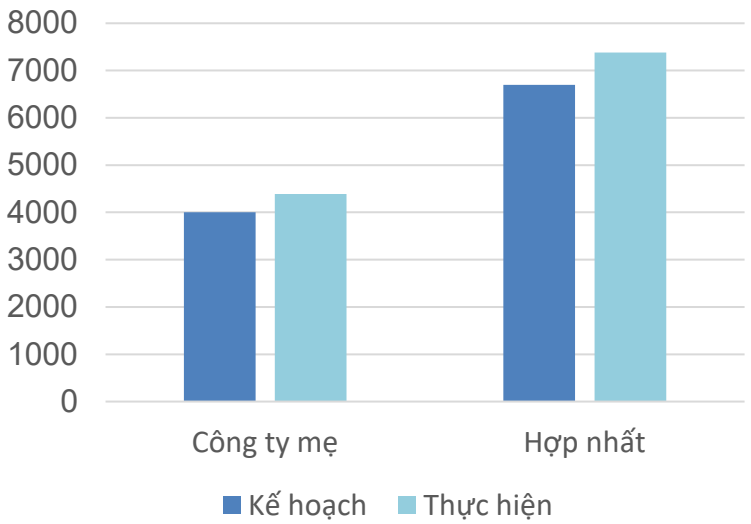

DOANH THU NĂM 2025

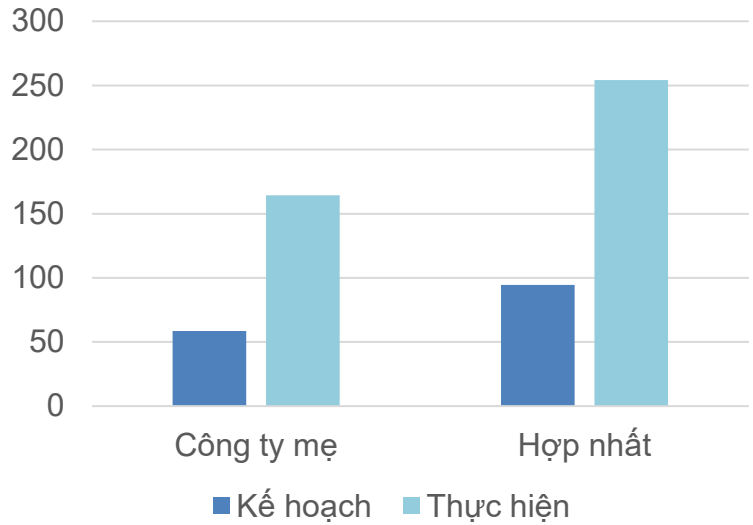

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ NĂM 2025

CƠ CẤU TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	TẠI NGÀY 31/12/2025	TẠI NGÀY 01/01/2025
I	**CÔNG TY MẸ**			
1	**TÀI SẢN**		**1.706,9**	**1.785,8**
1.1	Tài sản Ngắn hạn	Tỷ đồng	645,6	768,5
1.2	Tài sản Dài hạn	Tỷ đồng	1.061,3	1.017,3
2	**NGUỒN VỐN**		**1.706,9**	**1.785,8**
2.1	Nợ phải trả	Tỷ đồng	687,7	901,1
2.2	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.019,2	884,7
II	**HỢP NHẤT**			
1	**TÀI SẢN**		**2.329,4**	**2.334,1**
1.1	Tài sản Ngắn hạn	Tỷ đồng	1.238,9	1.327,0
1.2	Tài sản Dài hạn	Tỷ đồng	1.090,5	1.007,1
2	**NGUỒN VỐN**		**2.329,4**	**2.334,1**
2.1	Nợ phải trả	Tỷ đồng	1.033,7	1.249,5
2.2	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.295,7	1.084,6

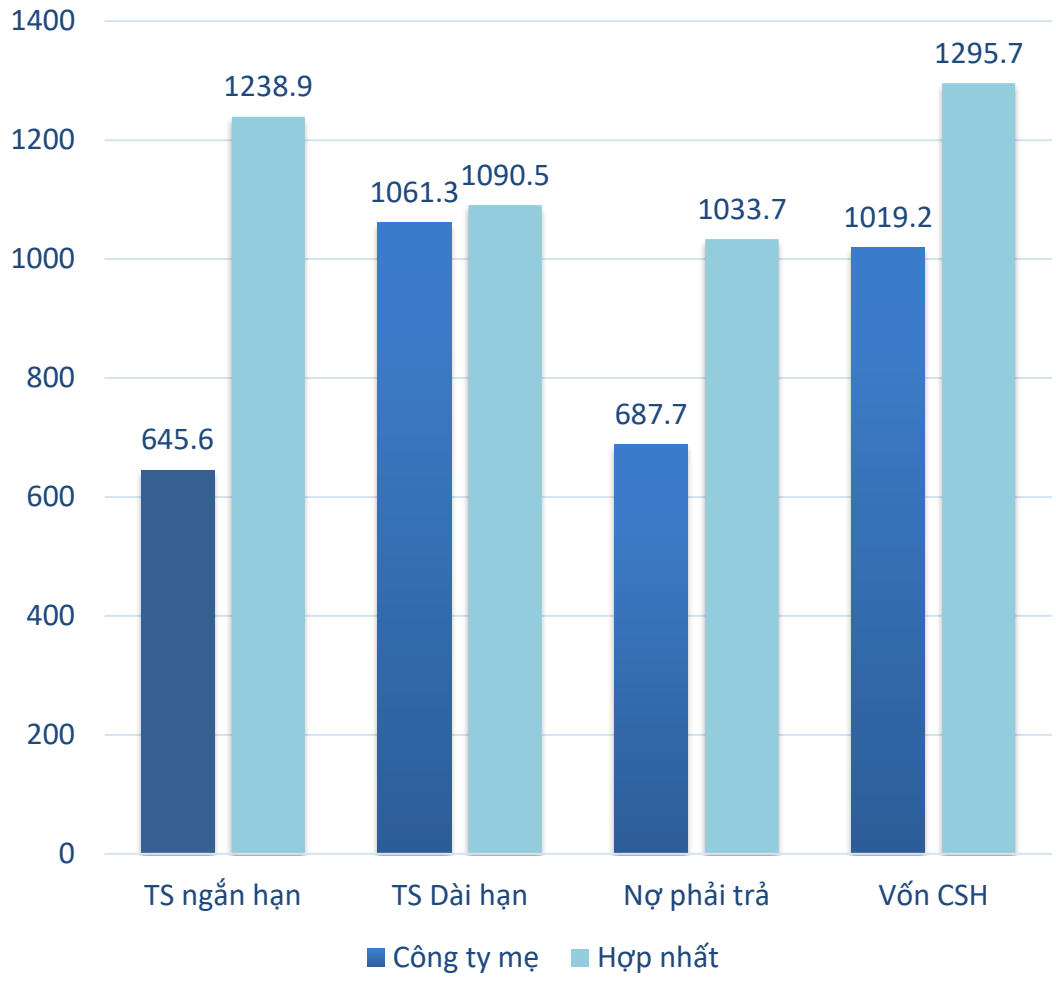

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2025	NĂM 2024	% TĂNG GIẢM
I	CÔNG TY MẸ				
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	lần	1,35	1,11	21,27%
	Hệ số thanh toán nhanh:Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	lần	0,55	0,54	2,31%
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,40	0,5	-19,42%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,67	1,02	-33,85%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	10,64	11,01	-3,38%
	Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	2,49	2,4	3,66%
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	lần	0,031	0,017	85,09%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	lần	0,134	0,084	59,68%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	lần	0,080	0,042	90,69%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	lần	0,038	0,021	78,65%
II	HỢP NHẤT				
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	lần	1,20	1,27	-5,62%
	Hệ số thanh toán nhanh:Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	lần	0,68	0,75	-8,74%
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,44	0,54	-17,83%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,80	1,15	-30,63%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	13,05	14,58	-10,48%
	Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	3,14	3,06	2,57%
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	lần	0,03	0,015	97,71%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	lần	0,17	0,101	65,84%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	lần	0,09	0,047	98,24%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	lần	0,03	0,018	91,77%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

VG PIPE®

CỔ PHẦN

STT	CHỈ TIÊU	NGÀY 24/03/2026	
		SỐ CPSH	TỶ LỆ (%)
1	**Tổng số cổ phần**	**61.524.155**	**100,00%**
	Cổ phần đang lưu hành	61.524.155	100,00%
	Trong đó		
	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	61.524.155	**100,00%**
	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0	0%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THỜI ĐIỂM 24/03/2026

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	NGÀY 24/03/2026	
			SỐ CPSH	TỶ LỆ (%)
1	**Cổ đông nội bộ**	**8**	**27.965.073**	**45,45%**
1.1	HĐQT; Ban TGĐ; Kế toán trưởng; Ban kiểm soát	4	20.852.839	33,89%
1.2	Người có liên quan	4	7.112.234	11,56%
2	**Cổ đông trong nước**	**7.488**	**33.359.818**	**54,22%**
2.1	Cá nhân	7.477	33.309.295	54,14%
2.2	Tổ chức	11	50.523	0,08%
3	**Cổ đông nước ngoài**	**30**	**199.264**	**0,32%**
3.1	Cá nhân	20	142.868	0,23%
3.2	Tổ chức	10	56.396	0,09%
	Cộng	**7.526**	**61.524.155**	**100,00%**

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO TỶ LỆ SỞ HỮU TẠI NGÀY 24/03/2026

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	NGÀY 24/03/2026	
			SỐ CPSH	TỶ LỆ (%)
1	Cổ đông sở hữu trên 5%	3	24.034.248	39,06%
2	Cổ đông sở hữu 1% - 5%	10	11.534.498	18,75%
3	Cổ đông sở hữu dưới 1%	7.513	25.955.409	42,19%
	Cộng	**7.526**	**61.524.155**	**100,00%**

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY 24/03/2026		GHI CHÚ
			SỐ CPSH	TỶ LỆ (%)	
1	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chủ tịch HĐQT	15.793.787	25,67%	Bổ nhiệm ngày 05/04/2025
2	Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	2.042.085	3,32%	Miễn nhiệm ngày 05/04/2025
3	Nguyễn Hữu Thể	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	1.888.497	3,07%	
4	Lê Quốc Khánh	Phó chủ tịch HĐQT	3.170.532	5,15%	
5	Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên HĐQT	0	0,00%	
6	Bùi Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	0	0,00%	

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY 24/03/2026		GHI CHÚ
			SỐ CPSH	TỶ LỆ (%)	
1	Nguyễn Hữu Thể	Tổng Giám đốc	1.888.497	3,07%	
2	Nguyễn Trung Vũ	Phó Tổng Giám đốc	0	0,00%	Bổ nhiệm 07/03/2026
3	Đặng Đình Miêng	Phó Tổng Giám đốc	0	0,00%	

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY 24/03/2026		Ghi chú
			SỐ CPSH	TỶ LỆ (%)	
1	Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban KS	759.616	1,23%	Miễn nhiệm ngày 07/11/2025
2	Vũ Thị Sơn	Trưởng ban KS	0	0%	Bổ nhiệm ngày 07/11/2025
3	Lê Anh Chung	Thành viên BKS	200	0,00%	Miễn nhiệm ngày 07/11/2025
4	Nguyễn Thị Hoa	Thành viên BKS	0	0%	Miễn nhiệm ngày 07/11/2025
5	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên BKS	0	0%	Bổ nhiệm ngày 07/11/2025
6	Phạm Quốc Hưng	Thành viên BKS	0	0%	Bổ nhiệm ngày 07/11/2025

CỔ ĐÔNG LỚN

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	NGÀY 24/03/2026	
			SỐ CPSH	TỶ LỆ (%)
1	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Số 3 phố Khâm Thiên, phường Đống Đa, Hà Nội	15.793.787	25,67%
2	Lê Khánh Huyền	Tòa nhà Simco đường Phạm Hùng , Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội	5.069.929	8,24%
3	Lê Quốc Khánh	Tòa nhà Simco đường Phạm Hùng , Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội	3.170.532	5,15%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

VG PIPE

TÌNH HÌNH TRẢ CỔ TỨC CHO CỔ ĐÔNG TỪ NĂM 2007 - 2025

TT	NĂM	TỶ LỆ CHIA CỔ TỨC (%)	HÌNH THỨC TRẢ
1	2007	12,3	Cổ phiếu
2	2008	6	Tiền mặt
3	2008	67,7	Thưởng cổ phiếu
4	2009	10	Tiền mặt
5	2010	4	Tiền mặt
6	2011	0	Không trả
7	2012	1,1	Tiền mặt
8	2013	2	Tiền mặt
9	2014	2,5	Tiền mặt
10	2015	10	Tiền mặt
11	2016	15	Tiền mặt
12	2017	12	Cổ phiếu
13	2018	0	Không trả
14	2019	7	Tiền mặt
15	2020	10	Tiền mặt
16	2021	15	Cổ phiếu
17	2022	10	Cổ phiếu
18	2023	5	Cổ phiếu
19	2024	10	Cổ phiếu
20	2025	10	Tiền mặt

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

TT	NĂM	GIÁ TRỊ	NỘI DUNG TĂNG VỐN
1	31/01/2007	35.000.000.000	Tách từ Công ty Cp thép và VTCN
2	2007	35.000.000.000	Phát hành riêng lẻ tăng vốn
3	2008	55.997.100.000	Phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2007
4	2009	250.000.000.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng
5	2019	45.118.790.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2017
6	2022	63.163.320.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021
7	2023	48.417.490.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2022
8	2024	26.624.560.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023
9	2025	55.920.290.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2024
		615.241.550.000	

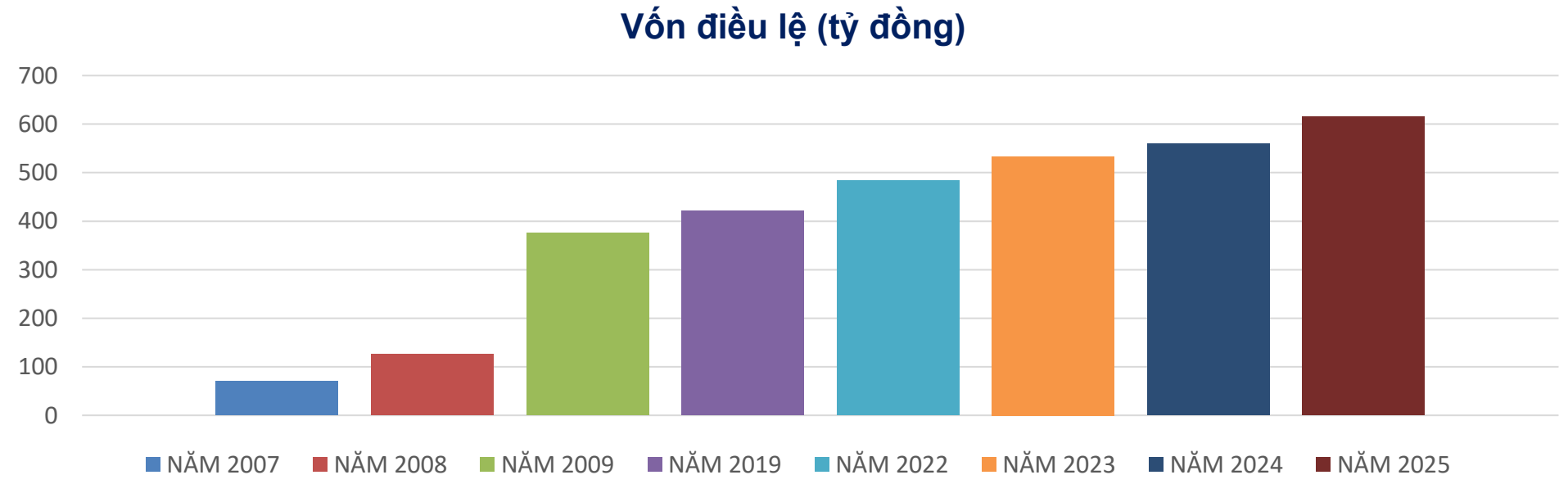

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

Các chứng khoán khác: Không

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Công ty đã được cấp Giấy phép môi trường số: 1656/GPMT-UBND ngày 30/6/2025 do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Các hoạt động kiểm soát nước thải, khí thải, chất thải rắn được thực hiện đầy đủ theo quy định tại Giấy phép và Luật môi trường.

Công ty thực hiện kiểm toán năng lượng theo quy định của Nhà nước & thực hiện nhiều giải pháp nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường.

Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường: Công ty có kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt.

Việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, gồm các nội dung chính sau:

Các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường tại cơ sở:

1/ Lắp đặt các thiết bị, hệ thống xử lý khí thải, nước thải

2/ Có khu vực lưu giữ chất thải riêng biệt theo đúng quy định & lựa chọn đơn vị xử lý chất thải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn theo quy định của Pháp luật.

3/ Thường xuyên dọn dẹp, thu gom chất thải phát sinh trong nhà xưởng

Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở: Không có, bởi từ khi đi vào hoạt động cho đến nay, Công ty CP ống thép Việt - Đức VG PIPE luôn có ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường do đó chưa xảy ra bất kỳ rủi ro, sự cố nào.

Tiêu thụ nước

Tổng lượng nước sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 là **9,695 m3**

Nước phục vụ các quá trình sản xuất Ống thép được sử dụng tuần hoàn, lượng nước mất đi chủ yếu do bốc hơi, nhờ vậy tiết kiệm được 70% lượng nước sử dụng, góp phần bảo vệ môi trường.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Toàn bộ nguyên liệu, vật tư đưa vào sản xuất đều được kiểm soát chặt chẽ theo Quy trình kiểm soát chất lượng ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015.

Phế phẩm trong quá trình sản xuất được thu gom và bán phế liệu, do đặc thù sản xuất nên không sử dụng tái chế.

Tiêu thụ năng lượng

Điện năng sử dụng trong sản xuất năm 2025: **7,902,549 kwh**. Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp để tiết kiệm điện năng như: tăng cường sản xuất giờ thấp điểm, hạn chế vào các giờ cao điểm, sử dụng điện chiếu sáng bằng bóng năng lượng mặt trời, hệ thống điện chiếu sáng tự động, …

Than sử dụng trong sản xuất năm 2025: **1.463 tấn**

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Các chế độ chính sách với Người lao động được đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật & cao hơn luật: thu nhập luôn cao hơn mức trung bình của khu vực.

Thanh toán lương sớm: Thời gian thanh toán lương hàng tháng sớm hơn khu vực, Công ty thanh toán lương ngày 05 hàng tháng.

Các hoạt động đào tạo, nâng cao tay nghề, nâng cao năng lực cho đội ngũ NLĐ luôn được quan tâm cộng với chính sách lương 3P, tạo động lực phấn đấu cho NLĐ. Số giờ đào tạo trung bình năm 2025 là 10h/ người/ năm.
100% NLĐ được ký HĐLĐ, tham gia BHXH đầy đủ & được mua thêm bảo hiểm tai nạn 24/7

Tổ chức Hội thao "THÉP VIỆT ĐỨC" với nhiều môn thể thao kết hợp tạo sân chơi cho CBCNV viên sau những giờ làm việc căng thẳng.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Thép Việt Đức triển khai nhiều chương trình hỗ trợ những hoàn cảnh kém may mắn, tập trung vào 4 nhóm chính: Y tế - Giáo dục – Giao thông và Cộng đồng. Năm 2025, Công ty đã dành trên 2 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh Xã hội như ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi cơn bão Yagi, xây nhà tình nghĩa; làm đường giao thông nông thôn, Trường học; tặng quà cho người bệnh có hoàn cảnh khó khăn, tặng ghế cho bệnh viện,…..

Và hoạt động thường niên được Công ty thực hiện trước thềm Tết nguyên đán hàng năm, nhằm mang lại một cái tết ấm áp, đủ đầy hơn cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn là Chương trình “Xuân yêu thương – Tết vì người nghèo” đã tặng quà tết cho những hộ gia đình khó khăn, chính sách trên địa bàn Thị trấn Đạo Đức và Huyện Bình Xuyên.

VG PIPE

VG PIPE®

EUROPEAN STANDARD

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

VIETNAM GERMANY STEEL PIPE JOINT STOCK COMPANY

03 | BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

> Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

> Tình hình tài chính

> Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

> Kế hoạch phát triển trong tương lai

> Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông NGUYỄN HỮU THỂ

Chức vụ: Tổng Giám đốc
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư (Trường Đại học Bách khoa Hà Nội); Cử nhân Kinh tế (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)
Năm bắt đầu làm việc tại Công ty: 2003
Tỷ lệ Sở hữu chứng khoán tại ngày 24/3/2026: 3,07%

Ông ĐẶNG ĐÌNH MIÊNG

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Năm bắt đầu làm việc tại Công ty: 2024
Tỷ lệ Sở hữu chứng khoán tại ngày 24/3/2026: 0%

Bà NGUYỄN THỊ THUÝ

Chức vụ: Trưởng phòng Kế toán
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Đại học Tài chính
Năm bắt đầu làm việc tại Công ty: 2004
Tỷ lệ Sở hữu chứng khoán tại ngày 24/3/2026: 0%

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2025, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành giúp Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao: Doanh thu Công ty mẹ tăng trưởng vượt 9,7%, hợp nhất vượt 10,1% so với kế hoạch; đặc biệt là chỉ tiêu Lợi nhuận tăng và vượt kế hoạch lần lượt là 180% và 168,6%

TOP 4 DOANH NGHIỆP ỐNG THÉP CÓ THỊ PHẦN LỚN NHẤT VIỆT NAM NĂM 2025

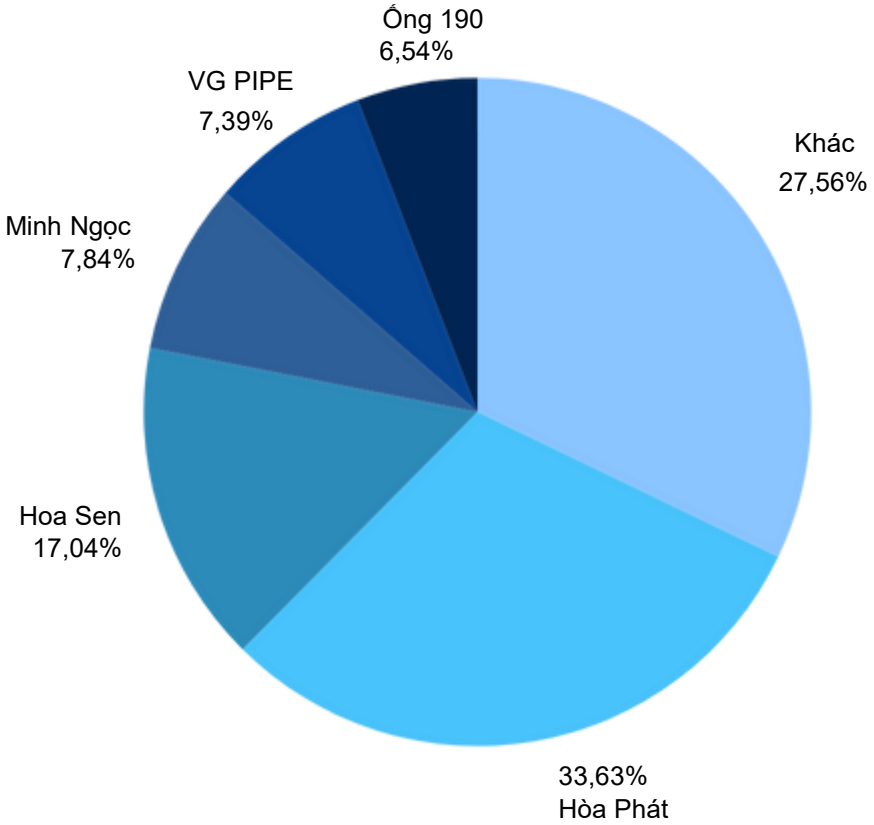

Doanh thu 2025

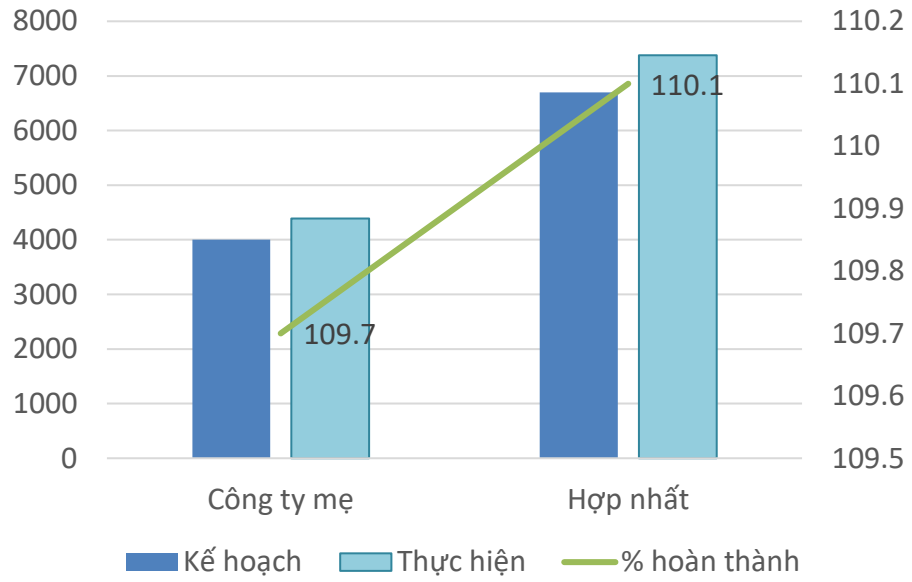

Lợi nhuận trước thuế 2025

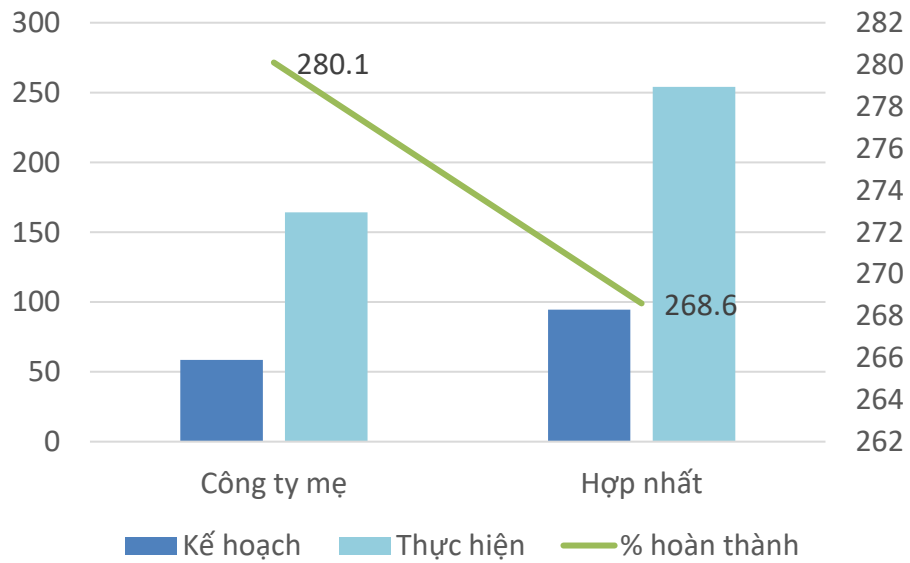

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI SẢN, BIẾN ĐỘNG TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Nhận xét

Tình hình tài sản Công ty mẹ và hợp nhất năm 2025 nhìn chung biến động tăng/ giảm không nhiều. Chu kỳ sản xuất, doanh thu, sản lượng bán hàng tăng với năm 2024. Vòng quay vốn nhanh.

BIẾN ĐỘNG TỔNG TÀI SẢN

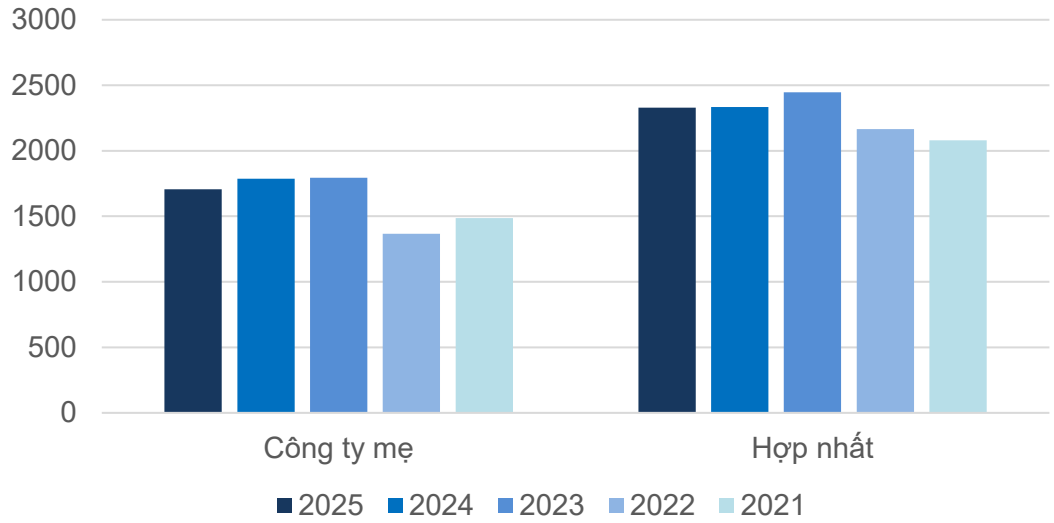

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TÌNH HÌNH TÀI SẢN TỪ NĂM 2021 - 2025

STT	CHỈ TIÊU	TẠI NGÀY 31/12/2025	TẠI NGÀY 31/12/2024	TẠI NGÀY 31/12/2023	TẠI NGÀY 31/12/2022	TẠI NGÀY 31/12/2021
I	CÔNG TY MẸ					
1	TÀI SẢN	1.706,9	1.785,8	1.793,7	1.367,4	1.486,6
1.1	Tài sản Ngắn hạn	645,6	768,5	808,9	742,4	898,8
1.2	Tài sản Dài hạn	1.061,3	1.017,3	984,8	625,0	587,8
II	HỢP NHẤT					
1	TÀI SẢN	2.329,4	2.334,1	2.447,3	2.164,9	2.080,3
1.1	Tài sản Ngắn hạn	1.238,9	1.327,0	1.480,4	1.499,1	1.486,2
1.2	Tài sản Dài hạn	1.090,5	1.007,1	966,9	665,8	594,1

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	TẠI NGÀY 31/12/2025	TẠI NGÀY 31/12/2024	TẠI NGÀY 31/12/2023	TẠI NGÀY 31/12/2022	TẠI NGÀY 31/12/2021
I	CÔNG TY MẸ					
2	NGUỒN VỐN	1.706,9	1.785,8	1.793,7	1.367,4	1.486,6
2.1	Nợ phải trả	687,7	901,1	980,5	684,5	842,1
2.2	Vốn Chủ sở hữu	1.019,2	884,7	813,2	682,9	644,5
II	HỢP NHẤT					
2	NGUỒN VỐN	2.329,4	2.334,1	2.447,3	2.164,9	2.080,3
2.1	Nợ phải trả	1.033,7	1.249,5	1.465,9	1.238,3	1.247,2
2.2	Vốn Chủ sở hữu	1.295,7	1.084,6	981,4	926,6	833,1

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Nhận xét

Nợ phải trả năm 2025, Công ty mẹ giảm 23,7% và hợp nhất giảm 17,3% so năm 2024, vòng quay vốn nhanh nên giảm vay vốn ngân hàng vì vậy giảm chi phí lãi vay

BIẾN ĐỘNG NỢ PHẢI TRẢ

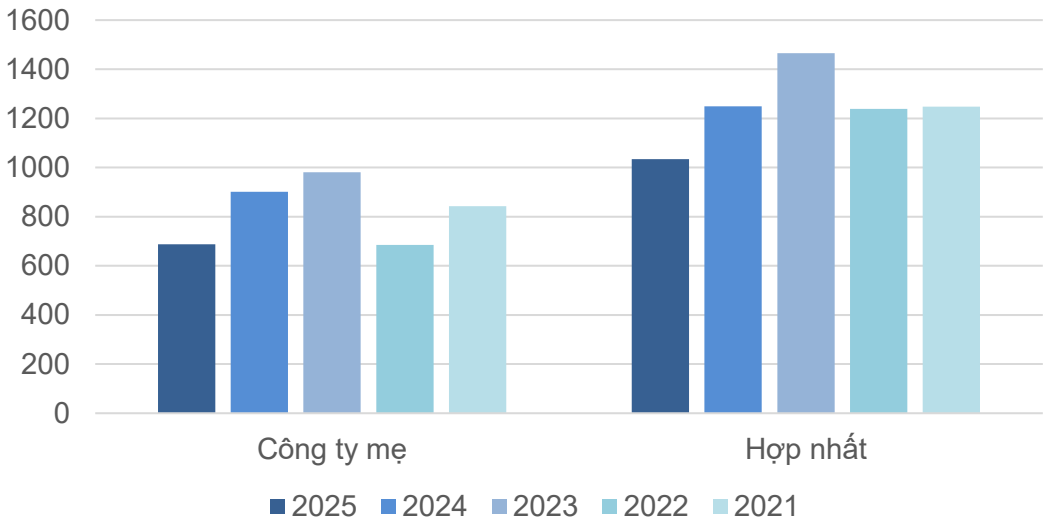

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TỪ NĂM 2021 – 2025

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2025	NĂM 2024	NĂM 2023	NĂM 2022	NĂM 2021
1	CÔNG TY MẸ					
1.1	Doanh thu thuần	4.344,8	4.371,8	4.514,9	4.948,3	3.978,9
1.2	Lợi nhuận trước thuế	164,3	93,4	141,6	53,3	73,5
1.3	Lợi nhuận sau thuế	136,7	74,6	131,8	42,7	58,7
2	HỢP NHẤT					
2.1	Doanh thu thuần	7.318,6	7.321,9	7.555,7	8.483,2	6.683,6
2.2	Lợi nhuận trước thuế	254,1	134,9	72,3	116,8	156,4
2.3	Lợi nhuận sau thuế	217,0	109,9	58,1	100,1	128,9

BIẾN ĐỘNG DOANH THU

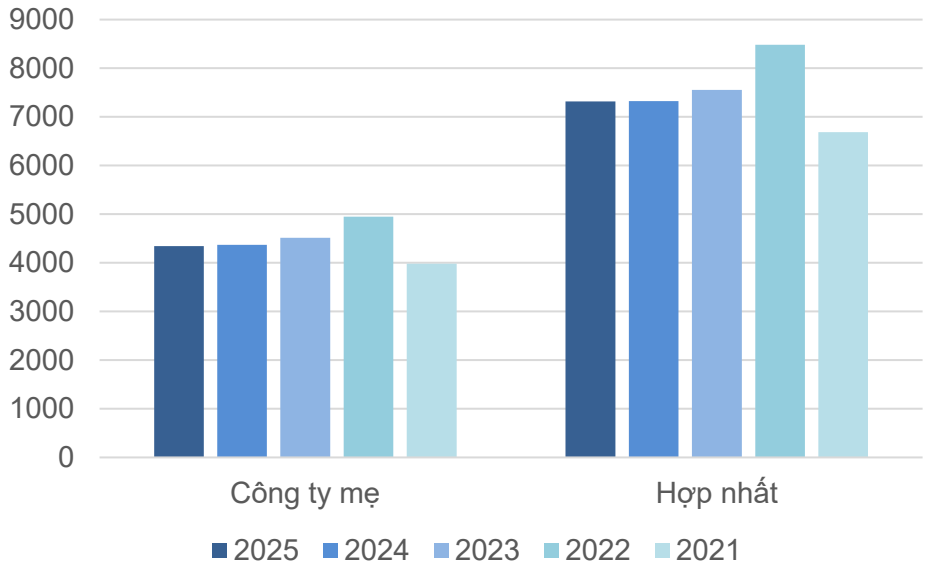

BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

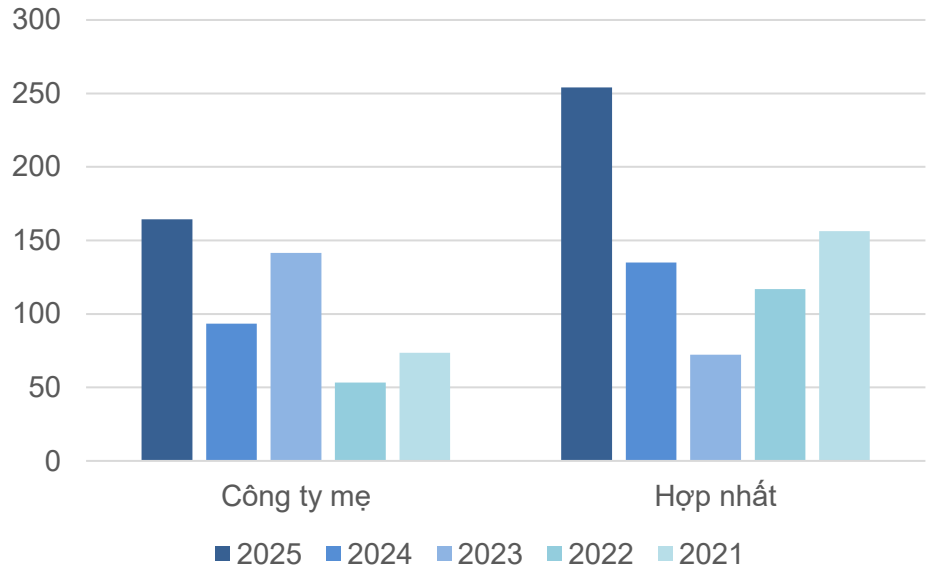

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm 2025, Công ty đã có nhiều hoạt động cải tiến về cơ cấu tổ chức & chính sách quản lý như:

Cơ cấu lại nhà máy sản xuất theo hướng chuyên môn hóa, tinh gọn các xưởng sản xuất để nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường giám sát chất lượng sản phẩm.

Cải tiến hệ thống máy uốn, đầu tư máy cắt lạnh để nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất lao động.

Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ kinh doanh và cải tiến chính sách tiêu thụ sản phẩm, đi sâu đi sát cùng nhà phân phối để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Cải tiến công tác quản trị, tăng cường chuyển đổi số vào hoạt động quản lý, áp dụng thêm phần mềm vào hoạt động quản trị sản xuất – kho – vật tư – kinh doanh & quản trị nhân sự, áp dụng công cụ KPI vào quản lý, lương 3P, ...

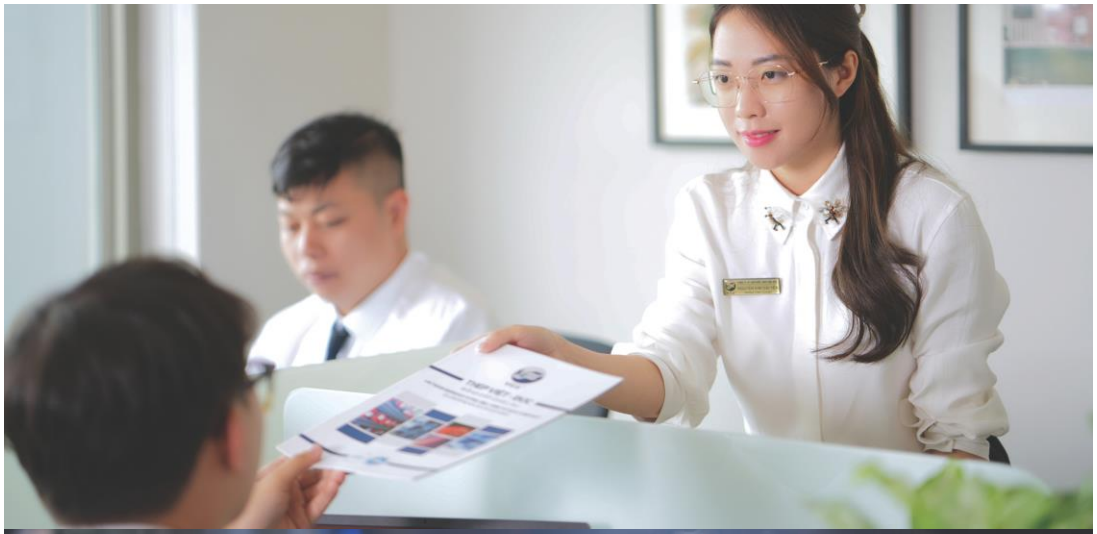

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Các kế hoạch khác trong năm 2026

- Củng cố, khai thác một cách có hiệu quả đối trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trên tinh thần đảm bảo sự tối ưu, tinh gọn và minh bạch trong các hoạt động SXKD. Nghiên cứu, mô hình quản lý bằng hệ thống công nghệ thông tin ứng dụng trong sản xuất.
- Phát triển mở rộng thị trường, giữ vững thị phần Top 4 & vị thế VGS trên thị trường Thép Việt Nam.
- Tập trung cao độ để Dự án Khu đô thị Legend City thực hiện đúng tiến độ, điều chỉnh hạ tầng, tập trung vào Hạ tầng cơ sở, Nhà ở thấp tầng và Nhà ở xã hội.
- Tăng cường nâng cao hệ thống quản lý chất lượng, quản lý hàng tồn kho. Thắt chặt và kiểm tra liên tục việc tiết giảm chi phí trong sản xuất và trong hoạt động của toàn Công ty.
- Cập nhật nắm bắt thông tin kinh tế trong và ngoài nước để có biện pháp quản lý dòng tiền hiệu quả

Nhận định thị trường thép 2026

Ngành thép đã trải qua năm 2025 với những thuận lợi và cũng rất nhiều thách thức, xung đột quân sự, bất ổn chính trị tại Trung Đông đang ngày càng gia tăng sẽ gây áp lực lớn cho năm 2026.

Về tình hình trong nước, ngành thép Việt Nam bước sang một chương mới của Hiệp hội Thép Việt Nam nhiệm kỳ 2021 - 2026, với định hướng "**Tăng trưởng xanh, chuyển đổi số, vươn tầm hiện đại**". Theo đó, ngành thép Việt Nam được dự báo sản xuất thép đạt khoảng **33-34,5 triệu tấn** và tiêu thụ thép trong nước đạt khoảng **26 triệu tấn**.

Động lực tăng trưởng năm 2026 được xác định từ các nguồn tăng trưởng về đầu tư công (cao tốc, sân bay, ..), phục hồi bất động sản dân dụng & một loạt các dự án lớn đi vào hoạt động.

Kế hoạch Kinh doanh năm 2026

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	CÔNG TY MẸ	HỢP NHẤT
1	Doanh thu	Tỷ đồng	3.635,4	6.450
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	75,6	124,5

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn thực hiện tốt công tác môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về môi trường, quyền hạn và trách nhiệm theo Giấy phép môi trường được phê duyệt: hàng quý, hàng năm đã tuân thủ nghiêm túc các yêu cầu của Giấy phép như: quan trắc môi trường đầy đủ, lập báo cáo gửi cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

Thực hiện kiểm kê khí nhà kính, các chế độ báo cáo theo quy định;

Thực hiện định mức tiêu hao điện năng cho từng phân xưởng, bộ phận, phòng ban, nhằm tiết kiệm điện tối đa.

Sử dụng công nghệ xử lý nước thải sản xuất tạo thành nước tuần hoàn trong sản xuất: không có nước thải ra môi trường, tiết kiệm nước và góp phần bảo vệ môi trường

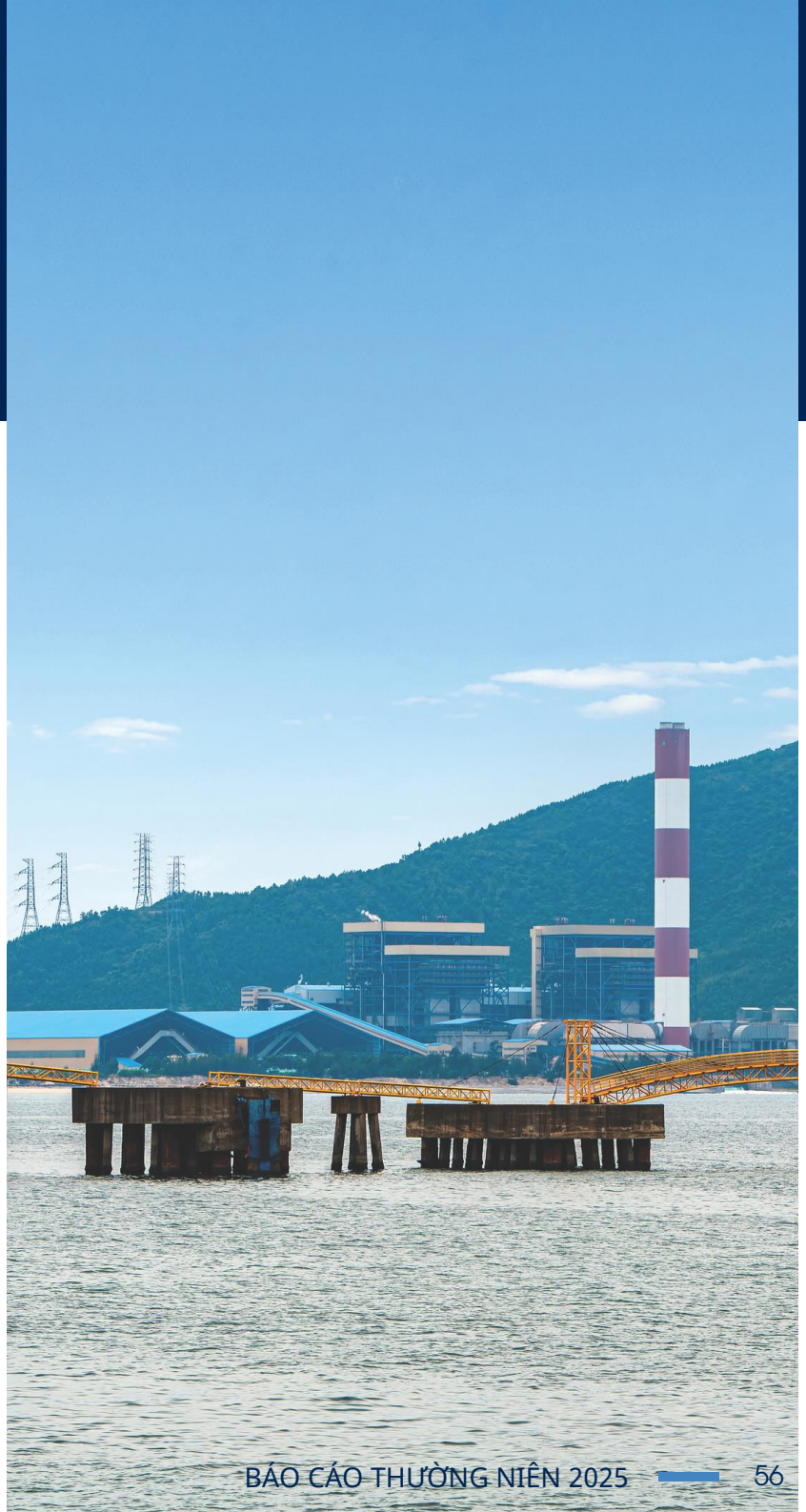

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong năm qua, Ban Tổng Giám Đốc Công ty đã thể hiện cam kết mạnh mẽ đối với việc chăm sóc và phát triển nguồn nhân lực. Các chính sách về tuyển dụng, đào tạo, phát triển kỹ năng & quy chế phân phối tiền lương/ đánh giá hiệu quả công việc được triển khai một cách đồng bộ, nhằm nâng cao hiệu suất làm việc và sự hài lòng của nhân viên.

Ban Tổng Giám Đốc đã tổ chức nhiều chương trình đào tạo nội bộ và ngoại khóa, giúp người lao động cập nhật kiến thức và nâng cao tay nghề. Sự quan tâm đến phúc lợi, như bảo hiểm xã hội, sức khỏe và các chế độ đãi ngộ, nghỉ mát, các hoạt động trải nghiệm nhân viên như teambuilding, văn hóa thể thao cũng được cải thiện, tổ chức quy mô lớn, tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên gia tăng trải nghiệm và yên tâm làm việc.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám Đốc cũng đã phối hợp với Tổ chức công đoàn để thiết lập các kênh giao tiếp mở, khuyến khích nhân viên góp ý và tham gia vào quá trình ra quyết định. Điều này không chỉ tăng cường tinh thần đoàn kết mà còn tạo ra môi trường làm việc tích cực, giúp người lao động cảm thấy được tôn trọng và có giá trị.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Năm 2025, Ban Tổng Giám Đốc Công ty đã thể hiện rõ trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương thông qua nhiều hoạt động thiết thực. Công ty đã tích cực tham gia vào các chương trình phát triển xã hội, bao gồm hỗ trợ giáo dục, y tế, làm đường giao thông và bảo vệ môi trường.

Một trong những điểm nổi bật là việc tài trợ cho các trường học địa phương, cung cấp học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn và tổ chức các hoạt động hướng nghiệp. Điều này không chỉ giúp nâng cao chất lượng giáo dục mà còn tạo cơ hội cho thế hệ trẻ phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

Bên cạnh đó, công ty cũng đã triển khai các chương trình bảo vệ môi trường, như trồng cây xanh và tổ chức các chiến dịch làm sạch khu vực xung quanh. Những nỗ lực này không chỉ cải thiện cảnh quan mà còn nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường.

Ban Tổng Giám Đốc cũng đã tạo điều kiện cho nhân viên tham gia vào các hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo, khuyến khích tinh thần trách nhiệm xã hội. Sự tham gia này không chỉ giúp nhân viên gắn bó hơn với Công ty mà còn tạo ảnh hưởng tích cực đến hình ảnh của VGPIPE trong mắt cộng đồng.

VG PIPE

VG PIPE®

EUROPEAN STANDARD

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

VIETNAM GERMANY STEEL PIPE JOINT STOCK COMPANY

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

> Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

> Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

> Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2026

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh Ống thép

Đạt & vượt kế hoạch đề ra

Năm 2025, sản lượng Ống thép của Công ty bán vượt kế hoạch năm là 10% và tăng 26% so với năm 2024 trong khi đó toàn ngành chỉ tăng 6% (Báo cáo của Hiệp hội Thép VSA – tháng 1/ 2026). Thị phần ống thép của Công ty giữ vững TOP 4 các doanh nghiệp sản xuất ống thép lớn nhất Việt Nam. Doanh thu Công ty mẹ đạt và vượt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.

LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

Tòa nhà Tài chính Việt Đức

Duy trì tỷ lệ cho thuê cao, hoạt động hiệu quả & mang lại lợi nhuận đều đặn cho Công ty.

Tòa nhà Tài chính Mê Linh

Đã thực hiện cho thuê với tỷ lệ lấp đầy 100%

DỰ ÁN VIỆT ĐỨC LEGEND CITY

Hoàn thành thủ tục điều chỉnh giao đất theo quy hoạch 1/500 điều chỉnh, và được UBND tỉnh ra quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 về việc điều chỉnh giao đất dự án theo quy hoạch 1/500 điều chỉnh

Hoàn thành việc thẩm duyệt thiết kế Dự án và đã được Cục Cảnh sát PCCC và Cứu nạn cứu hộ Bộ Công An thẩm duyệt thiết kế Phòng cháy và chữa cháy đối với Hạ tầng kỹ thuật Giai đoạn 1 gồm: Đường giao thông phục vụ cho xe chữa cháy và Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà tại Giấy chứng nhận số 509/TD-PCCC ngày 06/02/2024.

Hoàn thành công tác triển khai bản vẽ thiết kế thi công và dự án đã được cấp Giấy phép xây dựng các hạng mục thuộc công trình Hạ tầng kỹ thuật bao gồm các Giấy phép xây dựng số 01/GPXD ngày 22/04/2024 và số 02/GPXD ngày 10/7/2024.

Điểm nội bật của Dự án trong năm 2025:

- Triển khai hạng mục Nhà ở xã hội thuộc Giai đoạn I của Dự án (Tên thương mại: Kira Home***):*** khởi công vào ngày 19 tháng 04 năm 2025 và đã cất nóc Tòa 01 (2 block) vào ngày 03 tháng 02 năm 2026. Hiện tại, hạng mục Nhà ở xã hội đang được triển khai theo đúng tiến độ.
- Hoàn thành việc ký kết Hợp Đồng Hợp Tác Đầu Tư với Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex).

Đánh giá việc thực hiện chính sách xã hội, môi trường

Mọi hoạt động SXKD của Công ty đều đảm bảo tuân thủ pháp luật về sử dụng Lao động, An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ & bảo vệ môi trường.

Đánh giá tình hình tài chính - kế toán của Công ty

Trong quá trình kiểm tra, giám sát, HĐQT nhận thấy công tác tài chính – kế toán Công ty trong năm 2025 của Công ty thực hiện theo đúng quy định, Điều lệ; chuẩn mực kế toán và Pháp luật có liên quan.

Làm việc và ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC theo đúng Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông đã thông qua, để đảm bảo tính độc lập và khách quan trong các hoạt động kiểm toán, các báo cáo tài chính của Công ty. Công bố thông tin lựa chọn đơn vị kiểm toán đúng thời gian quy định.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý trong công ty trong quá trình thực hiện mục tiêu năm 2025 đã đề ra, cụ thể là đã triển khai nghiêm túc Nghị Quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị Quyết của HĐQT.

Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và các kế hoạch khác đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2025 thông qua đạt hiệu quả cao.

Thông qua các Báo cáo tài chính kiểm toán và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hàng tháng và hàng quý.

Chỉ đạo định hướng phát triển kinh doanh, xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, công tác đầu tư đúng tiến độ, đạt hiệu quả mục tiêu. Các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đều có cải thiện mạnh mẽ về công tác quản lý, tăng năng suất lao động, cải tạo máy móc thiết bị thay thế các công nghệ mới, tiết giảm chi phí sản xuất, bố trí hợp lý, hiệu quả và chuyển đổi với hoạt động cung ứng, cải tiến chất lượng sản phẩm, tăng sản lượng bán hàng.

Tiếp tục tham mưu cho HĐQT triển khai nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng và phát triển văn hoá doanh nghiệp.

HĐQT đánh giá cao Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò qua các giải pháp điều hành SXKD kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026

Đánh giá chung năm 2026

Thị trường thép toàn cầu được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trong năm 2026. Trong đó, cung – cầu thị trường sẽ dần ổn định trở lại cùng với giá của các mặt hàng thép và nguyên liệu đầu vào cũng tăng. Hiệp hội thép thế giới (WSA) dự báo nhu cầu thép 2026 dự kiến tiêu thụ khoảng 26 triệu tấn, sản xuất ước đạt 33-34,5 triệu tấn.

Diễn biến giá thép dự kiến sẽ tăng trở lại do cung cầu & do nguyên liệu đầu vào tăng.

Cơ hội & thách thức khác trong năm 2026

Việt Nam áp dụng thuế chống phá giá tạm thời đối với tôn cán nóng nhập khẩu từ Trung Quốc, Ấn Độ. Bên cạnh đó, ngành thép sẽ phải đối mặt với những thách thức trong việc chuyển đổi xanh, giảm phát thải, trong đó trước mắt là Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của EU.

Định hướng cụ thể năm 2026

Bám sát diễn biến thị trường, đặt biệt trong bối cảnh giá nguyên liệu biến động và các ảnh hưởng bởi chính sách phòng vệ thương mại để ứng phó kịp thời.

Chỉ đạo tổ chức tốt hoạt động SXKD, phát triển thị trường, khách hàng. Tăng hiệu quả chất lượng, dịch vụ. Gia tăng sản lượng, đẩy mạnh phát triển công tác kinh doanh.

Đẩy mạnh thực hiện các Dự án quan trọng hiện có của Công ty.

Nâng cao đời sống thu nhập người lao động & phát triển nguồn nhân lực theo chiều sâu.

VG PIPE

VG PIPE®

EUROPEAN STANDARD

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

VIETNAM GERMANY STEEL PIPE JOINT STOCK COMPANY

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

> Hội đồng quản trị

> Ban kiểm soát

> Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số lượng thành viên HĐQT trong nhiệm kỳ là 5 người.
Cơ cấu thành viên HĐQT không điều hành, thành viên HĐQT độc lập đáp ứng tiêu chuẩn tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020, cụ thể:
Số lượng thành viên HĐQT điều hành: 03 thành viên.
Số lượng thành viên HĐQT không điều hành là 2 thành viên: thành viên HĐQT độc lập.

Thành phần và chức danh của từng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2026

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
Chủ tịch HĐQT
Trình độ: Quản trị kinh doanh
Ngày bắt đầu TVHĐQT: 05/04/2025

Ông Nguyễn Hữu Thể
Thành viên HĐQT điều hành
Trình độ: Kỹ Sư Bách Khoa/Cử nhân Kinh tế
Ngày bắt đầu TVHĐQT: 16/04/2022

Ông Bùi Văn Hiệu
Thành viên HĐQT độc lập
Trình độ: Kỹ Sư Bách Khoa/
Cử nhân QTKD
Ngày bắt đầu HĐQT độc lập: 16/04/2022

Ông Lê Quốc Khánh
Thành viên HĐQT
Trình độ: Cử nhân Kinh tế Quốc tế
Ngày bắt đầu TVHĐQT: 16/04/2022

Ông Nguyễn Trọng Đắc
Thành viên HĐQT độc lập
Trình độ: Thạc sỹ Kinh tế
Ngày bắt đầu HĐQT độc lập: 16/04/2022

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-VGS ngày 05 tháng 04 năm 2025 miễn nhiệm tư cách thành viên hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2026 cụ thể như sau:
Bà Nguyễn Thị Nhi trên cơ sở Đơn xin từ nhiệm tư cách thành viên hội đồng quản trị ngày 27 tháng 09 năm 2024.
Ông Lê Minh Hải trên cơ sở Đơn xin từ nhiệm ngày 22 tháng 03 năm 2025.
Miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2026 đối với Ông Lê Minh Hải theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2025-NQHĐQT ngày 05 tháng 04 năm 2025 của Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VGPIPE.
Bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị mới nhiệm kỳ 2022-2026 là Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2025-NQHĐQT ngày 05 tháng 04 năm 2025 của Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VGPIPE.

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY 24/3/2026		GHI CHÚ
			SỐ CPSH	TỶ LỆ (%)	
1	Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	2.042.085	3,32%	Miễn nhiệm ngày 05/04/2025
2	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chủ tịch HĐQT	15.793.787	25,67%	Bổ nhiệm ngày 05/04/2025
3	Nguyễn Hữu Thể	Thành viên HĐQT	1.888.497	3,07%	
4	Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT	0	0%	Miễn nhiệm ngày 05/04/2025
5	Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	3.170.532	5,15%	
6	Bùi Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	0	0%	
7	Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên HĐQT	0	0%	

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nhìn chung, năm 2025, HĐQT hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Tổ chức & hoạt động của Công ty, Luật doanh nghiệp. Các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn & kịp thời linh hoạt theo hoạt động sản xuất kinh doanh. HĐQT đã bám sát tình hình thực tế của công ty để triển khai đầy đủ, kịp thời và hiệu quả các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra. HĐQT đã đưa ra và triển khai các giải pháp phù hợp nhằm tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Công ty và thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ.

Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện họp theo định kỳ và đột xuất để giải quyết nhiều vấn đề trọng điểm.
Triển khai thực hiện các nội dung tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua về:

+ Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ.
+ Tổ chức thực hiện việc chia cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu cho cổ đông.
+ Huy động vốn Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City theo hình thức hợp đồng hợp tác đầu tư với Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu & Xây dựng Việt Nam (VCG); Thông qua thỏa thuận đặt cọc hợp tác đầu tư với Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu & Xây dựng Việt Nam (VCG).
+ Hoàn thành sửa đổi Điều lệ Tổ chức & Hoạt động của Công ty, Giấy phép Đăng ký kinh doanh.
+ Lựa chọn, ký hợp đồng với đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 là Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.
+ Chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2025.

Ngoài các nội dung trên, HĐQT Công ty cũng đã họp & triển khai nhiều nghị quyết tăng cường công tác quản trị cho Công ty như:

- Đánh giá công nợ phải thu của khách hàng;
- Cử người đại diện quản lý phần vốn của VG PIPE tại Công ty Con & Công ty liên kết;
- Tái bổ nhiệm Tổng giám đốc & Kế toán trưởng;

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được xây dựng trên nguyên tắc tập thể, ban hành đều dựa trên sự thống nhất của tất cả các thành viên, đảm bảo tính khách quan và tập trung trí tuệ của các thành viên HĐQT.

HĐQT đã thường xuyên theo dõi, đánh giá và kiểm soát tình hình hoạt động và quản lý của Công ty. Tham gia các cuộc họp với Ban Tổng giám đốc về các nội dung quan trọng trong công tác điều hành hoạt động và kế hoạch kinh doanh của Công ty.

HĐQT đã thực hiện việc phân cấp/phân quyền cho các thành viên để nâng cao tính chủ động, quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền, đặc biệt nâng cao tính giám sát, độc lập của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Từng thành viên HĐQT Công ty với tinh thần trách nhiệm cao, đã nỗ lực, tập trung trí tuệ tập thể để hoàn thành tốt nhiệm vụ quản trị hoạt động doanh nghiệp theo đúng định hướng phát triển, hành động vì lợi ích cổ đông và vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát đã thực hiện đúng trách nhiệm thay mặt cổ đông, giám sát Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý & điều hành Công ty:

Theo dõi và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Tham gia kiểm tra giám sát hoạt động kiểm toán, xem xét các báo cáo tài chính định kỳ do Ban Tổng Giám đốc cung cấp nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt nam.

Thường xuyên phối hợp với Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận chức năng của Công ty để đẩy mạnh việc giám sát hoạt động SXKD, thực hiện mục tiêu kế hoạch năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông thường niên & ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 thông qua.

Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

Kiểm soát việc công bố thông tin của Công ty và các đơn vị thành viên theo đúng quy định của pháp luật về yêu cầu công bố thông tin đối với Công ty đại chúng, Công ty niêm yết.

Ban Kiểm soát luôn giám sát việc họp & lấy ý kiến thành viên HĐQT về các vấn đề có liên quan.

Thẩm định các tài liệu họp Đại hội cổ đông.

BKS đã họp thường xuyên để thông qua các báo cáo, các nội dung quan trọng theo chức năng. Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát còn thường xuyên cử thành viên tham gia các cuộc họp giao ban tuần, đột xuất của Công ty để cùng thảo luận, quyết định các nội dung, công việc thuộc chức năng nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

VŨ THỊ SƠN

Trưởng ban
Ngày bắt đầu là thành viên BKS:
07/ 11/ 2025
Cử nhân Kế toán

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Thành viên
Ngày bắt đầu là thành viên BKS:
07/ 11/ 2025
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

PHẠM QUỐC HƯNG

Thành viên
Ngày bắt đầu là thành viên BKS:
07/ 11/ 2025
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Ban Kiểm soát

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY 24/03/2026		Ghi chú
			SỐ CPSH	TỶ LỆ (%)	
1	Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban KS	759.616	1,23%	Miễn nhiệm ngày 07/11/2025
2	Vũ Thị Sơn	Trưởng ban KS	0	0%	Bổ nhiệm ngày 07/11/2025
3	Lê Anh Chung	Thành viên BKS	200	0,00%	Miễn nhiệm ngày 07/11/2025
4	Nguyễn Thị Hoa	Thành viên BKS	0	0%	Miễn nhiệm ngày 07/11/2025
5	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên BKS	0	0%	Bổ nhiệm ngày 07/11/2025
6	Phạm Quốc Hưng	Thành viên BKS	0	0%	Bổ nhiệm ngày 07/11/2025

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT/ỦY BAN KIỂM TOÁN

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	HỌ VÀ TÊN	MỐI QUAN HỆ	NĂM 2025	NĂM 2024	GHI CHÚ
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC				
1	Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	144.000.000	Miễn nhiệm ngày 05/04/2025
2	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chủ tịch HĐQT	108.000.000		Bổ nhiệm ngày 05/04/2025
3	Nguyễn Hữu Thể	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	1.458.030.000	1.317.296.000	
4	Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT Phó Tổng giám đốc	64.000.000	753.120.000	Miễn nhiệm PTGĐ ngày 06/09/2024
5	Lê Quốc Khánh	Phó chủ tịch HĐQT	428.260.000	84.000.000	
6	Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên HĐQT	84.000.000	24.000.000	
7	Bùi Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	84.000.000	24.000.000	
8	Đặng Đình Miêng	Phó Tổng giám đốc	735.550.000	192.170.000	
II	BAN KIỂM SOÁT				
1	Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban KS	74.000.000	24.000.000	Miễn nhiệm ngày 07/11/2025
2	Lê Anh Chung	Thành viên BKS	315.812.000	201.781.000	Miễn nhiệm ngày 07/11/2025
3	Nguyễn Thị Hoa	Thành viên BKS	32.000.000	12.000.000	Miễn nhiệm ngày 07/11/2025
4	Vũ Thị Sơn	Trưởng ban KS	10.000.000		Bổ nhiệm ngày 07/11/2025
5	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên BKS	647.600.000		Bổ nhiệm ngày 07/11/2025
6	Phạm Quốc Hưng	Thành viên BKS	421.920.000		Bổ nhiệm ngày 07/11/2025

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	HỌ VÀ TÊN	QUAN HỆ CỔ ĐÔNG NỘI BỘ	CỔ PHẦN ĐẦU KỲ		CỔ PHẦN CUỐI KỲ	
			SỐ CPSH	TỶ LỆ (%)	SỐ CPSH	TỶ LỆ (%)
1	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chủ tịch HĐQT	14.357.989	25,67%	15.793.787	25,67%
2	Nguyễn Hữu Thể	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	1.716.816	3,07%	1.888.497	3,07%
3	Lê Quốc Khánh	Phó chủ tịch HĐQT	2.882.302	5,15%	3.170.532	5,15%
4	Lê Minh Hải	Bố Phó Chủ tịch HĐQT	9.583.714	17,13%	2.042.085	3,32%
5	Lê Khánh Huyền	Con CT HĐQT	4.609.027	8,24%	5.069.929	8,24%
6	Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban KS	106	0,00%	759.616	1,23%
7	Ngô Vi Anh Tuấn	Anh ruột Trưởng BKS	78	0,00%	85	0,00%
8	Lê Anh Chung	Thành viên BKS	14	0,00%	200	0,00%
9	Nguyễn Thị Thúy	Trưởng phòng KTTC	21	0,00%	23	0,00%

Số lượng cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan biến động tăng/ giảm là do:
Năm 2025 Công ty chia cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu
Một số cổ đông bán vì lý do nhu cầu tài chính cá nhân

VG PIPE

VG PIPE®

EUROPEAN STANDARD

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

VIETNAM GERMANY STEEL PIPE JOINT STOCK COMPANY

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

> Ý kiến kiểm toán

> Báo cáo tài chính được kiểm toán

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025
ANNUAL REPORT

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE
VIETNAM GERMANY STEEL PIPE JOINT STOCK COMPANY

Xác nhận của đại diện theo Pháp luật của Công ty
Confirmation of the Company's Legal Representative

Tổng Giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE
KCN BÌNH XUYÊN - T. PHÚ THỌ

Nguyễn Hữu Thể

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(đã được kiểm toán)

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE
Ký ngày: 31/3/2026 09:31:56

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-39
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 30/07/2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05/04/2025
Ông	Lê Minh Hải	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 05/04/2025
Ông	Lê Quốc Khánh	Phó Chủ tịch	
Ông	Nguyễn Hữu Thể	Thành viên	
Ông	Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên	
Ông	Bùi Văn Hiệu	Thành viên	
Bà	Nguyễn Thị Nhi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05/04/2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Nguyễn Hữu Thể	Tổng Giám đốc
Ông	Đặng Đình Miêng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà	Vũ Thị Sơn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 07/11/2025
Ông	Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 07/11/2025
Bà	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07/11/2025
Ông	Phạm Quốc Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07/11/2025
Ông	Lê Anh Chung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07/11/2025
Bà	Nguyễn Thị Hoa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07/11/2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính riêng này là ông Nguyễn Hữu Thể - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 2500207703-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE KCN BÌNH XUYÊN - T. PHÚ THỌ

Nguyễn Hữu Thể
Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Số: 240326.003/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 24 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Vũ Xuân Biển	**Nguyễn Tuấn Anh**
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2023-002-1	Số: 5305-2025-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**645.630.198.879**	**768.501.036.972**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**31.439.148.308**	**12.600.602.676**
111	1. Tiền		31.439.148.308	12.600.602.676
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**230.064.295.879**	**361.850.409.729**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	167.554.201.601	293.730.638.667
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	24.047.181.004	29.871.464.588
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	64.689.629.701	63.017.932.624
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(26.226.716.427)	(24.769.626.150)
140	**IV. Hàng tồn kho**	**9**	**380.639.441.617**	**393.039.952.044**
141	1. Hàng tồn kho		380.639.441.617	393.039.952.044
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**3.487.313.075**	**1.010.072.523**
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		3.487.313.075	1.010.072.523
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.061.299.760.986**	**1.017.333.480.575**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**187.300.000**	**187.300.000**
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	187.300.000	187.300.000
220	**II. Tài sản cố định**		**97.040.185.187**	**95.815.927.757**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	83.160.428.565	81.587.783.535
222	*- Nguyên giá*		*303.528.963.997*	*296.579.832.179*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)*		*(220.368.535.432)*	*(214.992.048.644)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	13.879.756.622	14.228.144.222
228	*- Nguyên giá*		*20.327.567.088*	*20.327.567.088*
229	*- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)*		*(6.447.810.466)*	*(6.099.422.866)*
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**		**809.205.050.703**	**763.660.335.488**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	809.205.050.703	763.660.335.488
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	**6**	**146.590.000.000**	**146.590.000.000**
251	1. Đầu tư vào công ty con		79.950.000.000	79.950.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		66.640.000.000	66.640.000.000
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**8.277.225.096**	**11.079.917.330**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	8.277.225.096	11.079.917.330
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.706.929.959.865**	**1.785.834.517.547**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**687.688.303.106**	**901.101.161.448**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**479.637.947.772**	**695.370.322.662**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	118.911.051.212	302.143.973.568
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.523.150.331	448.285.632
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	13.629.915.280	13.069.306.330
314	4. Phải trả người lao động		27.415.615.326	10.227.313.423
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	799.643.583	663.902.685
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.012.912.531	2.133.592.781
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	612.113.094	1.238.902.640
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	281.125.871.141	351.133.597.071
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	20.174.992.000	-
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		14.432.683.274	14.311.448.532
330	**II. Nợ dài hạn**		**208.050.355.334**	**205.730.838.786**
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	208.050.355.334	3.930.838.786
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	-	201.800.000.000
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.019.241.656.759**	**884.733.356.099**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**20**	**1.019.241.656.759**	**884.733.356.099**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		615.241.550.000	559.321.260.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*615.241.550.000*	*559.321.260.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.835.386.699	69.835.386.699
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		46.417.206.049	43.113.853.935
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.959.882.008	1.959.882.008
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		285.787.632.003	210.502.973.457
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*154.582.683.457*	*142.655.031.869*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*131.204.948.546*	*67.847.941.588*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.706.929.959.865**	**1.785.834.517.547**

M.S.D.N: 2500267703-C
CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE
KCN BÌNH XUYÊN - T. PHÚ THỌ

Mai Quốc Việt	Nguyễn Thị Thúy	Nguyễn Hữu Thể
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 24 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**22**	**4.388.531.196.306**	**4.401.610.646.471**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	43.696.381.898	29.780.286.246
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**4.344.834.814.408**	**4.371.830.360.225**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**24**	**4.115.199.988.071**	**4.196.728.332.432**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**229.634.826.337**	**175.102.027.793**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	27.097.036.467	26.237.217
22	7. Chi phí tài chính	26	9.196.125.666	12.199.714.718
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*9.155.718.509*	*12.184.151.918*
25	8. Chi phí bán hàng	27	55.917.572.689	46.481.955.038
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	28.612.013.745	22.988.481.362
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**163.006.150.704**	**93.458.113.892**
31	11. Thu nhập khác	29	1.542.625.603	177.881.055
32	12. Chi phí khác	30	248.321.191	218.402.913
40	**13. Lợi nhuận khác**		**1.294.304.412**	**(40.521.858)**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**164.300.455.116**	**93.417.592.034**
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	27.589.919.714	18.859.414.465
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**136.710.535.402**	**74.558.177.569**

M.S.D.N: 2500267703-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE KCN BÌNH XUYÊN - T. PHÚ THỌ

Mai Quốc Việt	Nguyễn Thị Thúy	Nguyễn Hữu Thể
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 24 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***164.300.455.116***	***93.417.592.034***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7.415.742.570	9.223.970.754
03	- Các khoản dự phòng		21.632.082.277	(20.000.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.844.521)	(50.020)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(27.747.083.884)	(36.626.949.602)
06	- Chi phí lãi vay		9.155.718.509	12.184.151.918
07	- Các khoản điều chỉnh khác		10.743.944	-
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***174.765.814.011***	***78.178.715.084***
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		125.605.389.902	157.798.011.274
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		12.400.510.427	(116.008.292.142)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		30.133.328.066	(113.823.057.918)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.802.692.234	4.490.046.675
14	- Tiền lãi vay đã trả		(9.179.647.771)	(12.243.161.014)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(27.107.481.654)	(12.731.664.586)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	122.400.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.081.000.000)	(2.110.000.000)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***307.339.605.215***	***(16.327.002.627)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(44.439.022.058)	(73.185.321.891)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		808.611.785	46.267.675.457
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		26.938.472.099	25.025.156
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(16.691.938.174)***	***(26.892.621.278)***
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.662.655.282.033	2.938.604.307.503
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.934.463.007.963)	(2.929.587.128.734)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.240.000)	-
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(271.810.965.930)***	***9.017.178.769***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**18.836.701.111**	**(34.202.445.136)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**12.600.602.676**	**46.802.997.792**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.844.521	50.020
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**3**	**31.439.148.308**	**12.600.602.676**

Mai Quốc Việt	Nguyễn Thị Thúy	Nguyễn Hữu Thể
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 24 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 30/07/2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 615.241.550.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 615.241.550.000 VND; tương đương 61.524.155 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 327 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 320 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất két bạc, tủ sắt, két sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình…);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho…); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm 2025, tình hình thị trường tiêu thụ gặp nhiều thuận lợi, mảng tiêu thụ thành phẩm có biên lợi nhuận gộp tốt tăng trưởng mạnh dẫn tới lợi nhuận gộp từ bán hàng tăng 54,53 tỷ VND tương ứng 31,14%. Bên cạnh đó, Công ty nhận được khoản cổ tức từ công ty liên kết làm cho doanh thu hoạt động tài chính tăng 27,07 tỷ VND. Do các yếu tố trên, tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty tăng mạnh so với năm trước với số tiền 70,88 tỷ VND tương ứng 75,88%.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 6.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty/cả Tập đoàn.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng]yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 18	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 55.056 m2 đất tại xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ với thời gian sử dụng 50 năm đến hết ngày 04/12/2051;
- Quyền sử dụng 2.720 m2 đất tại xã Quang Minh, thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm từ ngày 01/01/2010;
- Quyền sử dụng 1.577 m2 số 8, đường Tôn Đức Thắng, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ với thời gian sử dụng 49 năm từ ngày 01/01/2010;
- Quyền sử dụng đất 330 m2 tại Khu biệt thự nhà vườn, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m2 tại BT5-C12B, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã Sơn Đồng, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 36 tháng.

- Chi phí thuê kho, thuê văn phòng được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê của Công ty.

- Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất là giá trị đánh giá lại liên quan đến quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Bình Xuyên khi thành lập công ty và được phân bổ theo thời gian sử dụng đất còn lại tại thời điểm đó.

- Chi phí sửa chữa lớn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng, tối đa không quá 3 năm.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.20 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.22 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.23 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.24 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.25 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn; lỗ tỷ giá hối đoái... Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 . Thông tin bộ phận

Do Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về thép và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	171,838,289	220,375,183
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31,267,310,019	12,380,227,493
	31,439,148,308	**12,600,602,676**

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	***167,554,201,601***	***(26,226,716,427)***	***293,730,638,667***	***(24,769,626,150)***
Công ty TNHH Kinh doanh Thiết bị Vật tư Xây dựng	8,003,498,521	-	116,702,181,210	-
Công Ty TNHH Ty Vân	18,078,789,488	-	13,202,444,657	-
Phải thu khách hàng khác	141,471,913,592	(26,226,716,427)	163,826,012,800	(24,769,626,150)
	167,554,201,601	**(26,226,716,427)**	**293,730,638,667**	**(24,769,626,150)**

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	***24,047,181,004***	-	***29,871,464,588***	-
Công Ty Cổ phần xây dựng Coteccons	14,045,495,644	-	14,045,495,644	-
Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Huy An Vĩnh Phúc	6,897,537,099	-	6,897,537,099	-
Công Ty TNHH Máy móc công trình Bằng Việt	829,440,000	-	3,142,800,000	-
Đối tượng khác	2,274,708,261	-	5,785,631,845	-
	24,047,181,004	**-**	**29,871,464,588**	**-**

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	**79.950.000.000**	-	**79.950.000.000**	-
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	79.950.000.000	-	79.950.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	**66.640.000.000**	-	**66.640.000.000**	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sản xuất Thép Việt Đức	66.640.000.000	-	66.640.000.000	-
	146.590.000.000	-	**146.590.000.000**	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con				
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Tỉnh Phú Thọ	99,94%	99,94%	Sản xuất tôn cán nguội
Công ty liên kết				
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sản xuất Thép Việt Đức	Tỉnh Phú Thọ	28,60%	28,60%	Sản xuất thép chất lượng cao

7 . PHẢI THU KHÁC

		31/12/2025		01/01/2025	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a)	**Ngắn hạn**				
a.1)	***Chi tiết theo nội dung***				
	Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	225.000	-
	Tạm ứng	-	-	10.000.000	-
	Ký cược, ký quỹ	486.000.000	-	-	-
	Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (*)	60.290.610.160	-	60.253.559.695	-
	Chi hộ	3.768.714.320	-	2.754.147.929	-
	Các đối tượng	144.305.221	-	-	-
		64.689.629.701	**-**	**63.017.932.624**	**-**
a.2)	***Chi tiết theo đối tượng***				
	Ban quản lý dự án xã Xuân Lãng	60.290.610.160	-	60.253.559.695	-
	Đối tượng khác	4.399.019.541	-	2.764.372.929	-
		64.689.629.701	**-**	**63.017.932.624**	**-**
b)	**Dài hạn**				
b.1)	***Chi tiết theo nội dung***				
	Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng	187.300.000	-	187.300.000	-
		187.300.000	**-**	**187.300.000**	**-**
b.2)	***Chi tiết theo đối tượng***				
	UBND Xã Xuân Lãng	187.300.000	-	187.300.000	-
		187.300.000	**-**	**187.300.000**	**-**
c)	**Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan**				
	Công ty Cổ phần Thép Việt	3.768.714.320	-	2.754.147.929	-
		3.768.714.320	**-**	**2.754.147.929**	**-**

(*) Đây là tiền chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng theo phương án đã được phê duyệt của khu đô thị VietDuc Lengend City sẽ được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp của khu đô thị. (Thông tin về dự án xem chi tiết tại thuyết minh số 10).

8 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Quốc Dũng	11.817.847.549	-	11.817.847.549	-
- Công ty TNHH Phúc Tấn	3.685.650.153	-	3.685.650.153	-
- Công ty TNHH Trường Quang	9.266.128.448	-	9.266.128.448	-
- Công ty TNHH Nhật Trường Vinh	3.386.886.086	1.929.795.809	-	-
	28.156.512.236	**1.929.795.809**	**24.769.626.150**	**-**

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	16.238.993.831	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	158.532.268.165	-	165.289.968.134	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.273.803.965	-	-	-
Thành phẩm	196.452.010.170	-	227.749.983.910	-
Hàng hoá	142.365.486	-	-	-
	380.639.441.617	**-**	**393.039.952.044**	**-**

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	**809.205.050.703**	**763.660.335.488**
- Dự án VietDuc Legend City (i)	800.630.505.249	755.085.790.034
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh (ii)	8.574.545.454	8.574.545.454
	809.205.050.703	**763.660.335.488**

Thông tin chi tiết về các dự án:

(i): Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ống Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng mới khu đô thị và nhà ở cho người thu nhập thấp, cán bộ công nhân viên, hiện đại và đồng bộ về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội;
- Địa điểm: Xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ;

(i): Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City (tiếp theo)

- Quy mô dự án: Tổng quỹ đất thực hiện dự án là 62,17ha. Diện tích giai đoạn I đã được chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện là 27,5 ha;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Tình trạng dự án: Tiếp tục triển khai giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại giai đoạn I và đang triển khai thi công xây dựng cơ sở hạ tầng đối với phần diện tích đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao đất.
- Thông tin pháp lý:

+ Quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
+ Công văn số 2124/TTG-KTN ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án giai đoạn 1 với diện tích 23,6ha.
+ Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về phê duyệt điều chỉnh QHCT 1/500 Khu đô thị Việt Đức Lengend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).
+ Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 22/07/2020 về việc giao đất (đợt 1) cho Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG-PIPE thực hiện dự án: Khu đô thị Việt Đức Legend-City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
+ Quyết định số 2954/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 về việc đính chính nội dung giao đất tại QĐ số 1829/QĐ-UBND tỉnh Vĩnh Phúc ngày 22/07/2020 và giao đất (đợt 2) giai đoạn 1 cho Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG-PIPE thực hiện dự án: Khu đô thị Việt Đức Legend-City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
+ Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 18/04/2022 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ QHCT tỷ lệ 1/500, Khu đô thị mới Việt Đức Legend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).
+ Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 31/05/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
+ Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc điều chỉnh giao đất theo điều chỉnh cục bộ QHCT tỷ lệ 1/500 (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 18/04/2022), cho Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VGPIPE để thực hiện dự án Khu đô thị Việt Đức Legend - City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
+ Dự án đã được Bộ Xây dựng thẩm định BCNCKT ĐTXD hạng mục: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật toàn dự án, công trình nhà ở thấp tầng (giai đoạn 1), công trình nhà ở xã hội cao tầng (giai đoạn 1) và Trạm xử lý nước thải số 2 theo Văn bản số 234/HĐXD-QLKT ngày 22/09/2023.
+ Dự án đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo Quyết định số 3501/QĐ-BTNMT ngày 27/11/2023.
+ Dự án đã được Cục Cảnh sát PCCC và Cứu nạn cứu hộ Bộ Công an thẩm duyệt thiết kế Phòng cháy và chữa cháy đối với Hạ tầng kỹ thuật Giai đoạn 1 gồm: Đường giao thông phục vụ cho xe chữa cháy và Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà tại Giấy chứng nhận số 509/TD-PCCC ngày 06/02/2024.
+ Dự án đã được Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy phép xây dựng số 01/GPXD ngày 22/04/2024 đối với Hạ tầng kỹ thuật - giai đoạn 1 (Hạng mục: San nền, kè đá; Giao thông; Thoát nước mưa, thoát nước thải).
+ Dự án đã được Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy phép xây dựng số 02/GPXD ngày 10/07/2024 hạng mục Hạ tầng kỹ thuật (bao gồm: Cấp nước; Cấp điện, chiếu sáng; Thông tin liên lạc; Trạm xử lý nước thải 600m3/ngđ0 - Giai đoạn 1.
+ Dự án đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công An tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận hạng mục Công trình Nhà ở xã hội cao tầng - Giai đoạn 1 theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 09/TD-PCCC ngày 13/01/2025.
+ Dự án đã được Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy phép xây dựng số 01/GPXD ngày 24/01/2025 hạng mục Công trình Nhà ở xã hội cao tầng - Giai đoạn 1.

(ii): Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ống Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục đích đầu tư: Đầu tư kinh doanh;
- Địa điểm: Khu đô thị Vân Canh, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Mô tả dự án: Theo đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 31/7/2017, lô đất CC4 có sự điều chỉnh chức năng sử dụng đất từ dịch vụ thương mại chuyển sang đất công cộng đơn vị ở; diện tích đất từ 4.716m2 xuống còn 4.248m2; mật độ xây dựng tối đa từ 34% lên 40%; tầng cao tối đa là 5 tầng; hệ số sử dụng đất từ 1,7 lần lên 2 lần;
- Chi phí tập hợp: Chi phí tập hợp là toàn bộ chi phí chuyển giao hạ tầng lô đất CC4 tại khu đô thị mới Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo hợp đồng kinh tế số 16/HUD/-SGDBĐS ngày 29/02/2010 ký với Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và đô thị.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	20.257.742.088	69.825.000	20.327.567.088
Số dư cuối năm	**20.257.742.088**	**69.825.000**	**20.327.567.088**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.029.597.866	69.825.000	6.099.422.866
- Khấu hao trong năm	348.387.600	-	348.387.600
Số dư cuối năm	**6.377.985.466**	**69.825.000**	**6.447.810.466**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	14.228.144.222	-	14.228.144.222
Tại ngày cuối năm	**13.879.756.622**	**-**	**13.879.756.622**

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 10.919.553.671 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 69.825.000 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	4.646.900.993	4.823.365.589
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	1.800.000.000	3.600.000.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.830.324.103	2.656.551.741
	8.277.225.096	**11.079.917.330**

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	161.690.190.628	108.378.688.427	24.912.378.406	1.598.574.718	296.579.832.179
- Mua trong năm	-	4.540.000.000	4.100.000.000	-	8.640.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.690.868.182)	-	(1.690.868.182)
Số dư cuối năm	**161.690.190.628**	**112.918.688.427**	**27.321.510.224**	**1.598.574.718**	**303.528.963.997**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	82.766.753.046	107.636.780.756	22.989.940.124	1.598.574.718	214.992.048.644
- Khấu hao trong năm	4.998.857.446	882.383.468	1.186.114.056	-	7.067.354.970
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.690.868.182)	-	(1.690.868.182)
Số dư cuối năm	**87.765.610.492**	**108.519.164.224**	**22.485.185.998**	**1.598.574.718**	**220.368.535.432**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	78.923.437.582	741.907.671	1.922.438.282	-	81.587.783.535
Tại ngày cuối năm	**73.924.580.136**	**4.399.524.203**	**4.836.324.226**	**-**	**83.160.428.565**

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 43.696.193.524 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 161.877.414.330 VND.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	***118.911.051.212***	***118.911.051.212***	***302.143.973.568***	***302.143.973.568***
Công ty Cổ phần Thương mại HPM	8.297.255.252	8.297.255.252	182.308.512.390	182.308.512.390
Công ty TNHH Điện xanh Châu Á	69.739.464.851	69.739.464.851	74.119.457.940	74.119.457.940
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam	21.333.487.320	21.333.487.320	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	19.540.843.789	19.540.843.789	45.716.003.238	45.716.003.238
	118.911.051.212	**118.911.051.212**	**302.143.973.568**	**302.143.973.568**

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	11.973.423	35.902.685
- Thù lao HĐQT, BKS	-	456.000.000
- Chi phí phải trả khác	787.670.160	172.000.000
	799.643.583	**663.902.685**

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	19.161.961	50.176.655.337	50.195.817.298	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	12.996.737.710	27.600.663.658	27.107.481.654	-	13.489.919.714
Thuế Thu nhập cá nhân	-	22.094.257	1.241.380.880	1.123.479.571	-	139.995.566
Thuế Tài nguyên	-	407.400	1.834.700	2.242.100	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	433.729.424	433.729.424	-	-
Các loại thuế khác	-	-	118.663.766	118.663.766	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	30.905.002	27.043.790	57.948.792	-	-
	-	**13.069.306.330**	**79.599.971.555**	**79.039.362.605**	**-**	**13.629.915.280**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	47.462.000	756.627.545
- Bảo hiểm bắt buộc	1.696.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	225.978.788	229.218.788
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	336.976.306	253.056.307
	612.113.094	**1.238.902.640**
b) Dài hạn		
- Tổng Công ty CP xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (i)	204.427.400.548	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.622.954.786	3.930.838.786
	208.050.355.334	**3.930.838.786**

(i) Khoản nhận góp vốn theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 3168/2025/HĐHTĐT/VGP - VCG ngày 30 tháng 12 năm 2025 về việc Hợp tác đầu tư, phát triển và kinh doanh dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City (Dự án), với một số nội dung chi tiết như sau:

- Các bên tham gia: Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (bên A) và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) (bên B);
- Mục tiêu: Hợp tác góp vốn, chia sẻ kinh nghiệm, năng lực quản lý và nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình kiến trúc, kinh doanh và vận hành thành công dự án hợp tác, tối đa hóa lợi nhuận cho các bên trên cơ sở tuân thủ luật áp dụng;
- Phạm vi hợp tác: Giai đoạn 1A của Dự án là toàn bộ diện tích 214.481,4 m2 thuộc giai đoạn 1 đã được bàn giao đất trên thực địa tại thời điểm ký kết Thỏa thuận này.
- Tỷ lệ vốn góp và phân chia kết quả kinh doanh: Các bên thống nhất góp vốn để thực hiện Dự án Hợp tác và phân chia lợi nhuận, sản phẩm, rủi ro và thua lỗ phát sinh từ Dự án Hợp tác theo tỷ lệ 50:50.
- Tiến độ góp vốn:
  Góp vốn lần 1: Tổng số vốn góp 852.074.004.504 VND:
  + Bên A được coi như đã hoàn thành việc góp vốn đợt 1 (số vốn này là một phần trong tổng Chi phí hợp lệ mà bên A đã thực tế đầu tư vào Dự án Hợp tác tính đến ngày hiệu lực được các bên xác nhận);
  + Bên B góp vốn bằng tiền tương ứng với giá trị 426.037.002.252 VND. Tại thời điểm 31/12/2025, Bên B đã đặt cọc 204.427.400.548 VND theo Thỏa thuận đặt cọc số 2128/2025/TTĐC/VCG/VGS ký ngày 12/09/2025 sẽ được khấu trừ vào tiền góp vốn đợt 1.

  Góp vốn các đợt tiếp theo: Theo kế hoạch và tiến độ góp vốn được hai bên thống nhất tại nội dung nghị quyết của Hội đồng Điều hành, kế hoạch và tiến độ góp vốn đó sẽ trở thành phụ lục của hợp đồng này.

18 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Khoản dự phòng phải trả ngắn hạn tại thời điểm cuối kỳ là khoản dự phòng về sửa chữa lớn tài sản cố định.

19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	**349.133.597.071**	**349.133.597.071**	**2.662.655.282.033**	**2.730.663.007.963**	**281.125.871.141**	**281.125.871.141**
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	274.150.639.527	274.150.639.527	1.786.629.114.146	1.835.960.199.616	224.819.554.057	224.819.554.057
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên	51.242.957.544	51.242.957.544	759.670.171.462	766.613.129.006	44.300.000.000	44.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	23.740.000.000	23.740.000.000	116.355.996.425	128.089.679.341	12.006.317.084	12.006.317.084
Vay dài hạn đến hạn trả	**2.000.000.000**	**2.000.000.000**	**-**	**2.000.000.000**	**-**	**-**
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-	-
	351.133.597.071	**351.133.597.071**	**2.662.655.282.033**	**2.732.663.007.963**	**281.125.871.141**	**281.125.871.141**
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	203.800.000.000	203.800.000.000	-	203.800.000.000	-	-
	203.800.000.000	**203.800.000.000**	**-**	**203.800.000.000**	**-**	**-**
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)	-	(2.000.000.000)	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	**201.800.000.000**	**201.800.000.000**			**-**	**-**

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025:

TT	Bên cho vay/số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn	Lãi suất	Dư nợ vay tại 31/12/2025 (VND)	Hình thức đảm bảo (*)
1	**Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên**					**224.819.554.057**	
1.1	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/1509578/HĐTD ngày 17/09/2025	600.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C	Thời hạn giải ngân của khoản cho vay hạn mức: Đến hết ngày 31/07/2026	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	224.819.554.057	Tài sản bảo đảm
2	**Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN Bình Xuyên**					**44.300.000.000**	
2.1	Hợp đồng cho vay hạn mức số 25.41.1812/2025-HĐCVHM/NHCT262 - ONG THEP VIET DUC ngày 17 tháng 03 năm 2025	200.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với đăng ký kinh doanh của Bên được cấp tín dụng (trừ mảng đầu tư, kinh doanh bất động sản)	Thời hạn giải ngân của khoản cho vay hạn mức: Đến hết ngày 12/03/2026	Lãi suất điều chỉnh xác định theo từng giấy nhận nợ cụ thể	44.300.000.000	Tài sản bảo đảm
3	**Ngân hàng TMCP Quốc tế**					**12.006.317.084**	
3.1	Hợp đồng tín dụng số 1043538.25 ngày 10/05/2025	200.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với đăng ký kinh doanh của Bên được cấp tín dụng (trừ mảng đầu tư, kinh doanh bất động sản)	12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng này	Lãi suất thả nổi	12.006.317.084	Tài sản bảo đảm
	Tổng cộng					**281.125.871.141**	

(*) Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**532.696.700.000**	**69.835.386.699**	**39.385.945.057**	**1.959.882.008**	**169.279.591.869**	**813.157.505.633**
Tăng vốn trong năm trước	26.624.560.000	-	-	-	(26.624.560.000)	-
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	74.558.177.569	74.558.177.569
Phân phối lợi nhuận	-	-	3.727.908.878	-	(6.710.235.981)	(2.982.327.103)
Số dư cuối năm trước	**559.321.260.000**	**69.835.386.699**	**43.113.853.935**	**1.959.882.008**	**210.502.973.457**	**884.733.356.099**
Số dư đầu năm nay	**559.321.260.000**	**69.835.386.699**	**43.113.853.935**	**1.959.882.008**	**210.502.973.457**	**884.733.356.099**
Tăng vốn trong năm nay (i)	55.920.290.000	-	-	-	(55.920.290.000)	-
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	136.710.535.402	136.710.535.402
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	3.303.352.114	-	(5.505.586.856)	(2.202.234.742)
Số dư cuối năm nay	**615.241.550.000**	**69.835.386.699**	**46.417.206.049**	**1.959.882.008**	**285.787.632.003**	**1.019.241.656.759**

(i) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-VGS ngày 05/04/2025, Công ty chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%/mệnh giá, tương ứng số lượng cổ phiếu là 55.932.126 cổ phiếu, với tổng giá trị theo mệnh giá là 559.321.260.000 VND, nguồn chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế tại ngày 31/12/2024. Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tại công văn số 3520/UBCK-QLCB ngày 16/07/2025. Số lượng cổ phiếu Công ty đã phát hành để trả cổ tức là 5.592.029 cổ phiếu.

(ii) Căn cứ theo điều lệ Công ty và theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-VGS ngày 05/04/2025, Ban Tổng Giám đốc Công ty thông qua quyết định trích lập quỹ Khen thưởng không quá 1% lợi nhuận sau thuế, quỹ phúc lợi không quá 1% lợi nhuận sau thuế, quỹ đầu tư phát triển không quá 3% lợi nhuận sau thuế. Công ty đã trích lập số tiền 2.202.234.742 VND cho quỹ Khen thưởng phúc lợi và số tiền 3.303.352.114 VND cho quỹ đầu tư phát triển từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2025.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Lê Minh Hải	-	-	32,06	179.313.750.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	25,67	157.937.870.000	10,75	60.103.280.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	-	-	3,09	17.290.000.000
Bà Lê Khánh Huyền	8,24	50.699.290.000	8,24	46.090.270.000
Ông Lê Quốc Khánh	5,15	31.705.320.000	5,15	28.823.020.000
Cổ đông khác	60,94	374.899.070.000	40,71	227.700.940.000
	100,00	**615.241.550.000**	**100,00**	**559.321.260.000**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	615.241.550.000	559.321.260.000
- *Vốn góp đầu năm*	*559.321.260.000*	*532.696.700.000*
- *Vốn góp tăng trong năm*	*55.920.290.000*	*26.624.560.000*
- *Vốn góp cuối năm*	*615.241.550.000*	*559.321.260.000*
Cổ tức, lợi nhuận:		
- *Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm*	*229.218.788*	*229.218.788*
- *Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm*	*55.920.290.000*	*26.624.560.000*
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	55.920.290.000	26.624.560.000
- *Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền*	*(3.240.000)*	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	*(3.240.000)*	-
- *Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu*	*(55.920.290.000)*	*(26.624.560.000)*
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	*(55.920.290.000)*	*(26.624.560.000)*
- *Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm*	*225.978.788*	*229.218.788*

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	61.524.155	55.932.126
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	61.524.155	55.932.126
- *Cổ phiếu phổ thông*	*61.524.155*	*55.932.126*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	61.524.155	55.932.126
- *Cổ phiếu phổ thông*	*61.524.155*	*55.932.126*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	46.417.206.049	43.113.853.935
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.959.882.008	1.959.882.008
	48.377.088.057	**45.073.735.943**

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2025, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động không được hủy ngang theo thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	2.250.717.643	3.326.496.674
- Trên 1 năm đến 5 năm	4.224.807.278	4.345.267.250
	6.475.524.921	**7.671.763.924**

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc để sử dụng đất mục đích sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê đến năm 2051, diện tích của khu đất thuê là 55.056 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	25.965,54	954,84

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.220.512.650.718	1.790.359.680.535
Doanh thu bán thành phẩm	3.155.468.716.922	2.550.578.724.639
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.549.828.666	14.404.565.840
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	46.267.675.457
	4.388.531.196.306	**4.401.610.646.471**

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	43.424.288.380	29.387.043.495
Hàng bán bị trả lại	272.093.518	393.242.751
	43.696.381.898	**29.780.286.246**

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.206.265.813.728	1.778.700.171.208
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.894.089.433.563	2.394.106.924.756
Giá vốn của dịch vụ đã bán	14.844.740.780	13.819.230.827
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	-	10.102.005.641
	4.115.199.988.071	**4.196.728.332.432**

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	339.673.816	25.025.156
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	151.149.672	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	26.598.798.283	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.570.175	1.162.041
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.844.521	50.020
	27.097.036.467	**26.237.217**
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan	**26.598.798.283**	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.155.718.509	12.184.151.918
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	40.407.157	15.562.800
	9.196.125.666	**12.199.714.718**

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.558.533.926	1.197.026.695
Chi phí nhân công	20.263.427.308	12.675.078.127
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.119.608.016	717.063.835
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.629.002.968	29.233.855.635
Chi phí khác bằng tiền	4.347.000.471	2.658.930.746
	55.917.572.689	**46.481.955.038**

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	520.047.159	1.305.845.482
Chi phí nhân công	17.822.439.121	14.836.584.892
Chi phí khấu hao tài sản cố định	612.221.136	668.387.153
Thuế, phí, lệ phí	903.354.751	965.201.009
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	1.457.090.277	(20.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.165.520.307	2.303.056.339
Chi phí khác bằng tiền	3.131.340.994	2.929.406.487
	28.612.013.745	**22.988.481.362**

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	808.611.785	-
Tiền bảo hiểm, tiền phạt thu được	620.425.684	177.776.343
Thu nhập khác	113.588.134	104.712
	1.542.625.603	**177.881.055**

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	228.000.000	112.000.000
Các khoản bị phạt	19.941.736	90.682.206
Chi phí khác	379.455	15.720.707
	248.321.191	**218.402.913**

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	164.300.455.116	57.251.922.218
Các khoản điều chỉnh tăng	247.941.736	202.682.206
- *Chi phí không hợp lệ*	*247.941.736*	*202.682.206*
Các khoản điều chỉnh giảm	(26.598.798.283)	-
- *Cổ tức, lợi nhuận được chia*	*(26.598.798.283)*	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	137.949.598.569	57.454.604.424
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	27.589.919.714	11.490.920.885
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	135.359.617
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	**27.589.919.714**	**11.626.280.502**
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	10.743.944	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	6.226.280.502	6.868.987.831
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(20.337.024.446)	(12.268.987.831)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD chính	**13.489.919.714**	**6.226.280.502**
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	-	36.165.669.816
Thu nhập tính thuế TNDN	-	36.165.669.816
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	**-**	**7.233.133.963**
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	6.770.457.208	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(6.770.457.208)	(462.676.755)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	**-**	**6.770.457.208**
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	27.589.919.714	18.859.414.465
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	**13.489.919.714**	**12.996.737.710**

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.791.926.111.053	2.401.229.311.008
Chi phí nhân công	89.400.054.044	68.039.684.603
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.415.742.570	9.223.970.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.585.938.733	43.916.858.911
Chi phí khác bằng tiền	13.654.654.325	7.463.682.296
Chi phí dự phòng	1.457.090.277	(20.000.000)
	2.971.439.591.002	**2.529.853.507.572**

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.267.310.019	-	-	31.267.310.019
Phải thu khách hàng, phải thu khác	206.017.114.875	187.300.000	-	206.204.414.875
	237.284.424.894	**187.300.000**	**-**	**237.471.724.894**
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.380.227.493	-	-	12.380.227.493
Phải thu khách hàng, phải thu khác	331.978.945.141	187.300.000	-	332.166.245.141
	344.359.172.634	**187.300.000**	**-**	**344.546.472.634**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Vay và nợ	281.125.871.141	-	-	281.125.871.141
Phải trả người bán, phải trả khác	119.523.164.306	208.050.355.334	-	327.573.519.640
Chi phí phải trả	799.643.583	-	-	799.643.583
	401.448.679.030	**208.050.355.334**	**-**	**609.499.034.364**
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	351.133.597.071	201.800.000.000	-	552.933.597.071
Phải trả người bán, phải trả khác	303.382.876.208	3.930.838.786	-	307.313.714.994
Chi phí phải trả	663.902.685	-	-	663.902.685
	655.180.375.964	**205.730.838.786**	**-**	**860.911.214.750**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Công ty con
Công ty CP Tập đoàn Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Cổ tức nhận được	**26.598.798.283**	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sản xuất Thép Việt Đức	26.598.798.283	-
Chi trả hộ tiền điện	**99.750.887.032**	**82.266.330.913**
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	99.750.887.032	82.266.330.913
Thu lại tiền điện chi trả hộ	**98.736.320.641**	**82.265.273.338**
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	98.736.320.641	82.265.273.338

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chủ tịch HĐQT *Bổ nhiệm ngày 05/04/2025*	108.000.000	-
Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT *Miễn nhiệm ngày 05/04/2025*	36.000.000	144.000.000
Ông Lê Quốc Khánh	Phó Chủ tịch HĐQT	388.580.000	84.000.000
Ông Nguyễn Hữu Thể	Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	1.786.692.000	1.317.296.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT *Miễn nhiệm ngày 05/04/2025*	-	753.120.000
Ông Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên HĐQT	60.000.000	24.000.000
Ông Bùi Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	60.000.000	24.000.000
Ông Đặng Đình Miêng	Phó Tổng Giám đốc *Bổ nhiệm ngày 16/09/2024*	981.207.000	192.170.000
Bà Vũ Thị Sơn	Trưởng ban Kiểm soát *Bổ nhiệm ngày 07/11/2025*	10.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên ban Kiểm soát *Bổ nhiệm ngày 07/11/2025*	212.477.000	-
Ông Phạm Quốc Hưng	Thành viên ban Kiểm soát *Bổ nhiệm ngày 07/11/2025*	137.742.000	-
Ông Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban Kiểm soát *Miễn nhiệm ngày 07/11/2025*	50.000.000	24.000.000
Ông Lê Anh Chung	Thành viên ban Kiểm soát *Miễn nhiệm ngày 07/11/2025*	246.078.000	201.781.000

	Mối quan hệ	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt (tiếp theo)			
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên ban Kiểm soát *Miễn nhiệm ngày 07/11/2025*	20.000.000	12.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Mai Quốc Việt	**Nguyễn Thị Thúy**	**Nguyễn Hữu Thể**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 24 tháng 03 năm 2026